



Phụ lục 1

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
A	THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG				
1	Đường Hai Bà Trưng	1	Toàn tuyến		32.000
2	Đường Đồng Khởi	1	Toàn tuyến		25.000
	Hẻm 122	1	Suốt hẻm		4.000
3	Đường 3 tháng 2	1	Toàn tuyến		26.000
4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1	Toàn tuyến		21.000
	Hẻm 33	1	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm nhánh 33/3	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 45	1	Suốt hẻm		3.000
5	Đường Đào Duy Từ	1	Toàn tuyến		12.000
6	Đường Phạm Ngũ Lão	1	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	21.500
		1	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	16.500
	Hẻm 36	1	Suốt hẻm		2.500
7	Đường Phan Chu Trinh	1	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	22.000
		2	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	16.000
		3	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đề Thám	10.000
	Hẻm 124	1	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 124/5	1	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 124/8	1	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 59	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 109	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 119A	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 97A	1	Suốt hẻm		1.300
Hẻm 118	1	Suốt hẻm		4.000	
8	Đường Hàm Nghi	1	Toàn tuyến		22.000
9	Đường Hoàng Diệu	1	Toàn tuyến		25.000
10	Đường Nguyễn Hùng Phước	1	Toàn tuyến		22.000
11	Đường Ngô Quyền	1	Toàn tuyến		15.000
12	Đường Đinh Tiên Hoàng	1	Toàn tuyến		13.000
13	Đường Nguyễn Văn Cừ	1	Toàn tuyến		10.000
	Hẻm 12	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 49	1	Suốt hẻm		2.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
14	Đường Trần Minh Phú	1	Toàn tuyến		16.000
15	Đường Nguyễn Huệ	1	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	22.000
		2	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	20.000
		4	Đường Nguyễn Du	Đường Phan Đình Phùng	10.000
		3	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đầu Voi	11.000
		5	Đường Phan Đình Phùng	Hết đất chùa Đại Giác	7.500
		6	Giáp đất chùa Đại Giác	Đường Lê Duẩn	5.000
	Hẻm 155 (P1)	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 53 (P1)	1	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 79 (P1)	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 103 (P1)	1	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 31 (P1)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 365 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 381A (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 381B (P9)	1	Đường Nguyễn Huệ	Hẻm 381A đường Nguyễn Huệ	1.000
	Hẻm 433 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 467 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 471 (P9)	1	Giáp đường Nguyễn Huệ	Giáp đường Mạc Đình Chi	1.000
	Hẻm 510 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 524 (P9)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 542 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 598 (P9)	1	Suốt hẻm		750
	Đường Nguyễn Du	1	Toàn tuyến		11.000
	Hẻm 11	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 13	1	Suốt hẻm		2.000
17	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1	Toàn tuyến		6.000
	Hẻm 5, 129, 22, 44	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 89, 113	1	Suốt hẻm		1.700
18	Đường Lê Lợi	1	Đường Tôn Đức Thắng	Nút giao thông Tượng đài trung tâm	15.000
	Hẻm 63	1	Suốt hẻm		2.500
	Đường Hùng Vương	1	Cổng chính Hồ Nước Ngọt (đường Dã Tượng)	Đường Trần Quốc Toàn (hộ ông Trần Hoàng Dũng - thửa đất số 22, tờ bản đồ số 10)	15.000
	Hẻm 28	1	Đường Hùng Vương	Hẻm 2 đường Huỳnh Phan Hộ	2.500
	Hẻm 28/11	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 28/25	1	Suốt hẻm		1.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
19	Hẻm 63	1	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	2.500
	Hẻm nhánh 63/5	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 63/8	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 63/19	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 93	1	Đường Hùng Vương	Hẻm 63 đường Hùng Vương	2.500
	Hẻm 93/24	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 3	1	Đường Hùng Vương	Giáp Hẻm 42 Yết Kiêu	2.500
	Hẻm nhánh 3/4	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 7	1	Đường Hùng Vương	Điện Biên Phủ	2.500
	Hẻm nhánh 7/15	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm nhánh 7/72	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm nhánh 7/80	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 101, 121, 149	1	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	2.000
	Hẻm 121/11	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 129	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 135	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 159	1	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	2.500
	Đường Vành Đai	1	Đường Hùng Vương	Hết thửa đất 472, tờ bản đồ số 31 Quách Tông Lộc	2.500
20	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1	Đường Lê Lợi	Đường 30/4 - Cổng Bộ đội Biên phòng	21.500
	Hẻm 93	1	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 83	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 98	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 76	1	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm nhánh 76/2	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm nhánh 76/11	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 84	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 48	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 145 (P6)	1	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Giáp Hẻm 81 Ngô Gia Tự	2.500
21	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	20.000
		2	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Văn Hữu	11.000
	Hẻm 58	1	Suốt hẻm		3.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
22	Đường Lý Thường Kiệt	1	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đồng Khởi	18.000
		2	Đường Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	7.000
		3	Đường Lê Duẩn	Chợ Sung Đình	5.000
		2	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đầu Voi	7.000
	Hẻm 176 (P1)	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 168 (P1)	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 306B, 730 (P4)	1	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 310 (P4)	1	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 584, 730, 764, 944 (P4)	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 292, 336, 346, 368, 376, 414, 440, 468, 510, 526, 534, 558 (P4)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 680, 960 (P4)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 636, 666, 672, 843 (lộ đal K6) (P4)	1	Suốt hẻm		1.000
	Đường dân sinh cấp chân cầu qua sông Masperro (đoạn từ đường Đồng Khởi đến đường Lê Duẩn)	1	Đầu ranh thửa đất số 43 - tờ bản đồ số 20	Hết thửa đất số 221, tờ bản đồ số 20 và hết thửa đất 01, tờ bản đồ số 01	2.500
	Đường Trần Hưng Đạo	1	Đường 30 tháng 4	Đường Phú Lợi	15.000
		2	Đường Phú Lợi - Lê Duẩn	Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	9.000
		3	Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	Tỉnh lộ 934 (An Dương Vương) - nút giao thông Trà Tim	5.500
	Hẻm 174, 98, 144 (P2)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 62, 118, 132, 140 (P2)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 45, 51 (P3)	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 55 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 85 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 151 (P3)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 155 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 185 (P3)	1	Suốt hẻm		1.800
	Hẻm 27, 71, 101, 137 (P3)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 191, 199, 227, 249, 265, 285, 427, 491 (P3)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 293, 303, 345, 695	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 357	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 405 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 449 (P3)	1	Suốt hẻm		2.200

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
23	Hẻm 543, 505 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 567	1	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa đất 33, tờ bản đồ số 55	2.000
		2	Đầu ranh thửa đất số 44, tờ bản đồ số 55	Giáp đường Vành Dại II (đoạn 2)	2.000
	Hẻm 231, 607 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 623, 647 (P3)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 777 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 248 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 582, tờ bản đồ số 9 Lương Mạnh Duy	1.000
	Hẻm 266 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp Hẻm 1143 đường Quốc lộ 1A	1.000
	Hẻm 280 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 54, tờ bản đồ số 11 Thị Quen	1.000
	Hẻm 308 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 1138, tờ bản đồ số 11 Thạch Phương	1.000
	Hẻm 344 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 174, tờ bản đồ số 11 Trần Quốc Hùng	1.000
	Hẻm 368 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 266, tờ bản đồ số 11 Huỳnh Thị Muôn	1.000
	Hẻm 897 (P10)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 897/39 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 897/42 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 929 (P10)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 957 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 534, tờ bản đồ số 12 Trần Thiện Tâm	1.000
	Hẻm 1005 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 205, tờ bản đồ số 12	1.000
	Hẻm 1017 (P10)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 478, tờ bản đồ số 12 Lý Nang	1.000
	Hẻm 1085 (P10)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 1107 (P10)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 1159 (P10)	1	Suốt hẻm		600
		1	Giáp Quốc lộ 1A (P7)	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (P7)	2.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
24	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	2	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (P7)	Giáp ranh Phường 10	2.000
		3	Giáp ranh Phường 10	Giáp ranh xã Đại Tâm, Mỹ Xuyên	1.500
25	Đường Lê Hồng Phong	1	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	11.000
		2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đoàn Thị Điểm	9.000
		3	Đường Đoàn Thị Điểm	Giáp ranh huyện Mỹ Xuyên	5.500
	Hẻm 12, 44	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 90 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 197 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 33 (P3)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 145, 167, 183, 282, 354, 357, 495, 507, 575	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 495 nổi dài	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 430	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 341	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 326 (P3)	1	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 508, 604 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 475 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 585 (P3)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 332 (P3)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 318	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 462, 585	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 448 (P3)	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 639, 673	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 655 (P3)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 719	1	Giáp đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	1.000
		2	Giáp thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	Giáp đường 30/4	600
	Đường Phú Lợi	1	Toàn tuyến		12.000
	Hẻm 263, 244, 155, 333	1	Suốt hẻm		2.500
		1	Đường Phú Lợi	Cuối Hẻm (giáp đất bà Lâm Thị Mười)	2.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
26	Hẻm 73	2	Đường Phú Lợi	Hết đất Lương Thanh Hải (thửa số 226, tờ bản đồ số 44)	2.000
	Hẻm 73/26	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 73/50	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 73/56	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 73/66	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 188	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 12	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm 29	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 99	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 10, 293	1	Suốt hẻm		2.000
27	Đường Lê Duẩn	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Hồng Phong	11.000
		2	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	8.300
		3	Đường 30 tháng 4	Đường Mạc Đĩnh Chi	8.500
		4	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	7.000
		5	Cầu Lê Duẩn (Sông Maspero)	Đường Phạm Hùng	4.500
	Hẻm 13 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 24 (P3)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 697, 550 (P4)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 546 (P4)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 759 (P4)	1	Suốt hẻm		1.800
	Đường dân sinh cấp chân cầu qua sông Maspero	1	Đầu thửa đất số 45, tờ bản đồ số 20	Hết thửa đất số 446, tờ bản đồ số 20	3.000
		1	Đầu thửa đất số 12, tờ bản đồ số 21	Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 01	3.000
	Quốc Lộ 1 A	1	Giáp ranh huyện Châu Thành	Trần Quốc Toàn (tính từ ranh Hẻm 298 bên Phường 7)	7.000
		2	Trần Quốc Toàn (tính từ ranh Hẻm 298 bên Phường 7)	Cổng Trắng	5.800
		3	Cổng Trắng	Ngã ba Trà Tim	4.000
	Hẻm 472, 389, 526 (P2)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 383 (P2)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 484 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 410 (P2)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 417, 448, 901 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm nhánh 448/1	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm nhánh 448/4	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm nhánh 448/18	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm nhánh 448/24	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm nhánh 448/29	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 416 (P2)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 538, 607, 547, 638, 699, 757, 825, 726, 882 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 548 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 689 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 437 (P2)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 04 của ông Dương Văn Thâm và toàn khu dân cư 437	1.500
		1	Toàn khu dân cư 437		1.500
	Hẻm nhánh 437/18 (P2)	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm nhánh 437/30 (P2)	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm nhánh 437/50 (P2)	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm nhánh 437/45 (P2)	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm 854 (P2)	1	Suốt hẻm		750
	Hẻm 908 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 792 (P2)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 23, tờ bản đồ số 24	1.000
		1	Đầu ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24	Hết thửa đất số 2234, tờ bản đồ số 53	1.000
	Hẻm 506 (P2)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 215 (P6)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 367 (P6)	1	Quốc Lộ 1	Đường Điện Biên Phủ	1.000
	Hẻm nhánh 367/9 (P6)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 1 (P7)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 3 (P7)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 3/39 (P7)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 121 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Kênh 30/4	800
	Hẻm 54 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Đường Lê Hoàng Chu	600
	Hẻm nhánh 54/1 (P7)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 54/8 (P7)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 170 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Cuối hẻm	1.500
	Hẻm nhánh 170/43 (P7)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm nhánh 170/54 (P7)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 222 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Đường Lê Hoàng Chu	800

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm nhánh 222/9 (P7)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 222/7A (P7)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 238 (P7)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 298 (P7)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 334 (P7)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 1142 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 124, tờ bản đồ số 11	1.000
	Hẻm 1143 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 53, tờ bản đồ số 11 Danh Mười	1.000
	Hẻm nhánh 1143/27 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 1161 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Giáp ranh Chùa Trà Tim	1.000
	Hẻm nhánh 1161/13 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 1161/14 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 1180 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Giáp ranh xã Đại Tâm, Mỹ Xuyên	1.000
	Hẻm nhánh 1180/22 (P10)	1	Hẻm 1180 (P10)	Kênh Chùa Cũ	800
	Hẻm 1185 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 2082, tờ bản đồ số 11 Võ Văn Hoa	1.000
	Hẻm nhánh 1185/5 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 1185/16 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 1194 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hẻm 1180 (P10)	1.000
	Hẻm nhánh 1194/22 (P10)	1	Hẻm 1194 (P10)	Giáp tuyến tránh QL 60	800
	Hẻm 1126 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 430, tờ bản đồ số 11 Trần Văn Minh	1.000
	Hẻm nhánh 1126/5 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 1225 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 265, tờ bản đồ số 11 Điền Vôn	1.000
	Hẻm nhánh 1225/30 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 962 (P10)		Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất 126 tờ bản đồ số 4	1.000
	Hẻm nhánh 962/29 (P10)	1	Suốt hẻm		350
	Hẻm nhánh 962/33 (P10)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 1056 (P10)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 199, tờ bản đồ số 8 (Dúch Thị Ba)	1.000
	Hẻm nhánh 1056/25 (P10)	1	Suốt hẻm		350
	Hẻm 1070 (P10)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 67, tờ bản đồ 8	1.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm nhánh 1070/19 (P10)	1	Suốt hẻm		350
	Hẻm 1098	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Giáp thửa đất số 634, tờ bản đồ số 8	1.000
		1	Đầu ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 8	Hết thửa đất số 356, tờ bản đồ số 8	1.000
	Hẻm 882 (P2)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 53	1.000
	Hẻm 1132 (Ranh K2 - K3)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 7	1.000
	Hẻm 238	1	Suốt hẻm		800
29	Đường Nguyễn Trường Tộ	1	Đường Sóc Vồ	Nhà hàng Thủy Tiên	700
30	Đường vào Khu văn hóa Tín Ngưỡng tỉnh (P2)	1	Quốc lộ 1A	Khu Văn hóa Tín ngưỡng	1.800
	Đường 30 tháng 4	1	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Du	15.000
		2	Đường Nguyễn Du	Ngã 4 đường Lê Duẩn	9.000
		3	Ngã 4 đường Lê Duẩn	Cuối đường (đường Bạch Đằng)	3.000
		4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hẻm 278 Trương Công Định	2.000
	Hẻm 5, 123 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 109 (P2)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 17	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 101	1	Suốt hẻm		1.500
31	Hẻm 44	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 124, 134, 152, 174, 182, 202, 248 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 164, 290 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 258 (P3)	1	Suốt hẻm		750
	Hẻm 144, 320, 448 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 496 (P3)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 112 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 120 (P3)	1	Suốt hẻm		750
	Hẻm 220 (P3)	1	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 332 (P3)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 625	1	Suốt hẻm		750
32	Đường Hồ Minh Luân	1	Toàn tuyến		12.500
33	Đường Trần Phú	1	Toàn tuyến		4.000
34	Đường Trần Văn Sắc	1	Toàn tuyến		4.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
35	Đường Hồ Hoàng Kiếm	1	Toàn tuyến		4.000
36	Quảng Trường Bạch Đằng	1	Toàn tuyến		6.000
37	Đường Trương Công Định	1	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Văn Linh	7.000
		2	Đường Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 1A	6.000
	Hẻm 9, 93, 267, 278 (P2)	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm nhánh 278/19	1	Suốt hẻm		700
	Hẻm nhánh 278/26	1	Suốt hẻm		700
	Hẻm nhánh 278/46	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 46, 56, 86, 98, 140, 246, 292, 109 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 98/1 (P2)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 86/19 (P2)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 56/1 (P2)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 46/1 (P2)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 46/12 (P2)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 195 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 195/9	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 195/57	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 195/71	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 195/239	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 109 nối dài (Cặp Chùa Hương Sơn)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 81 (P2)	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 167 (P2)	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 291 (P2)	1	Suốt hẻm		700
	Hẻm 234 (P2)	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 156 (P2)	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm nhánh 156/3 (P2)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 156, 245 (P2)	1	Suốt hẻm		900
	Hẻm 37 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
38	Đường Nguyễn Trung Trực	1	Đường Phú Lợi	Đường 30 tháng 4 - Cổng Biên phòng	7.000
	Hẻm 143	1	Suốt hẻm		1.500
39	Đường Trần Bình Trọng	1	Toàn tuyến		5.000
	Hẻm 31, 53, 69	1	Suốt hẻm		900
	Hẻm 9, 59, 81	1	Suốt hẻm		900
	Hẻm lộ 3	1	Suốt hẻm		900
	Hẻm 39	1	Suốt hẻm		950
	Hẻm 138	1	Suốt hẻm		800

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm 121	1	Suốt hẻm		800
40	Đường Lý Tự Trọng	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Bình Trọng	5.000
	Hẻm 25	1	Suốt hẻm		1.500
41	Đường Bùi Thị Xuân	1	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trương Văn Quới	4.000
42	Đường Trương Văn Quới	1	Đường Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trung Trực	5.000
43	Đường nhánh Phú Lợi (đường Nhật Lệ)	1	Đường Phú Lợi	Đường Trương Văn Quới	5.000
44	Đường Nguyễn Trãi	1	Toàn tuyến		15.000
45	Đường Bạch Đằng	1	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Mạc Đĩnh Chi	3.200
		2	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 tháng 4	1.700
	Hẻm 22, 66, 196, 255, 88, 118 (P4)	1	Suốt hẻm		700
	Hẻm 128, 154 (P4)	1	Suốt hẻm		450
	Hẻm 182 (P4)	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 248 (P4)	1	Suốt hẻm		350
	Hẻm 230 (P4)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 550 (P4)	1	Suốt hẻm		750
46	Đường Điện Biên Phủ	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Yết Kiêu	6.000
		2	Đường Yết Kiêu	Cuối đường	4.000
	Hẻm 94	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 102	1	Đường Điện Biên Phủ	Giáp hẻm 145 Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.300
	Hẻm 132	1	Đường Điện Biên Phủ	Giáp hẻm 145 Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.300
	Hẻm 156	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 218	1	Đường Điện Biên Phủ	Giáp hẻm 42 Yết Kiêu	1.300
	Hẻm 294	1	Đường Điện Biên Phủ	Rạch Trà men	1.300
	Hẻm 312	1	Đường Điện Biên Phủ	Rạch Trà men	1.300
	Hẻm 316	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 322	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 330	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 356	1	Suốt hẻm		1.300
	Đường Mạc Đĩnh Chi	1	Đường Đồng Khởi	Ngã 4 đường Lê Duẩn	7.000
		2	Ngã 4 đường Lê Duẩn	Đường Bạch Đằng	5.000
	Hẻm 9, 45, 119, 233 (P4)	1	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 23, 33, 53 (P4)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 537, 539, 759 (P4)	1	Suốt hẻm		950
	Hẻm 70 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 80 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
47	Hẻm 86 (P9)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 94 (P9)	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 220	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 218 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 230 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 266 (P9)	1	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Nguyễn Huệ	800
	Hẻm 456 (P9)	1	Đường Mạc Đĩnh Chi	Giáp kênh 3/2	800
	Hẻm 548 (P9)	1	Đường Mạc Đĩnh Chi	Hết ranh thửa đất số 590 tờ bản đồ 20	800
	Hẻm 612 (P9)	1	Đường Mạc Đĩnh Chi	Giáp kênh 3/2	700
	Hẻm 873	1	Suốt hẻm		400
48	Đường trục hướng Đông Khu hành chính (P4)	1	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	2.000
49	Đường Phan Đình Phùng	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mạc Đĩnh Chi	7.000
		2	Đường Mạc Đĩnh Chi	Hẻm 150 Phan Đình Phùng	5.000
	Hẻm 150	1	Suốt hẻm		1.000
50	Đường Vành Đai II (P3)	1	Đường Dương Minh Quan	Hẻm 576 đường Trần Hưng Đạo	2.300
		2	Hẻm 576 đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	1.500
	Hẻm 26	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 258	1	Suốt hẻm		450
51	Đường dân sinh cấp chân cầu Khánh Hưng	1	Đầu ranh thửa đất số 7, tờ bản đồ số 9	Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 9	2.700
		1	Đầu ranh thửa đất số 90, tờ bản đồ số 11	Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 11	2.700
		1	Đầu ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3	Hết ranh thửa đất số 475, tờ bản đồ số 4	2.700
52	Đường dân sinh cấp chân cầu kênh Xáng	1	Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01	Hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01	2.700
53	Đường Kênh 19/5	1	Giáp hẻm 371 (đầu ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ 26)	Kênh Thanh niên	600
		2	Kênh Thanh niên	Giáp ranh Phường 7	450
54	Đường Kênh 22/3	1	Giáp đường Lương Định Của	Cuối Kênh	450
55	Đường Kênh Liêu Sơn	1	Giáp đường lộ đá Kênh Cầu Xéo	Giáp kênh 2 tháng 9	600
		1	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Du	9.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
56	Đường Mai Thanh Thế	2	Đường Nguyễn Du	Hết ranh thửa đất 251, tờ bản đồ số 4 - hết ranh thửa đất 218, tờ bản đồ số 4	7.500
	Hẻm 1, 12	1	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 64, 76, 152	1	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm nhánh 152/33	1	Suốt hẻm		1.000
57	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	6.500
	Hẻm 65, 143, 181	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 15, 27, 43	1	Suốt hẻm		900
	Hẻm 83	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 85	1	Suốt hẻm		900
58	Đường Phan Bội Châu	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	6.500
	Hẻm 22	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 34	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 42	1	Suốt hẻm		1.000
59	Đường Thủ Khoa Huân	1	Đường Phan Bội Châu	Đường 30 tháng 4	5.500
60	Đường Trần Quang Diệu	1	Toàn tuyến		5.000
61	Đường Nguyễn Văn Thém	1	Toàn tuyến		7.000
	Hẻm 11	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 63	1	Suốt hẻm		1.100
62	Đường Ngô Gia Tự	1	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ngã 3 đường Dã Tượng	12.000
		2	Đường Lê Lai	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	9.000
	Hẻm 81	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 95	1	Suốt hẻm		2.000
63	Đường Lê Vĩnh Hoà	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Pasteur - Bà Triệu	5.000
	Hẻm 2	1	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hết ranh thửa 107, tờ bản đồ số 30 Ông Mã Chạp	800
		2	Giáp ranh thửa 107, tờ bản đồ số 30 Ông Mã Chạp	Hết ranh thửa số 80, tờ bản đồ số 29 Trần Thị Cương	600
64	Đường Nguyễn Văn Hữu	1	Toàn tuyến		8.000
	Hẻm 55	1	Suốt hẻm		1.500
65	Đường Lê Lai	1	Toàn tuyến		7.000
66	Đường Calmette	1	Toàn tuyến		6.500
	Hẻm 33	1	Từ Calmette	Đường Lai Văn Tùng	1.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
67	Đường Yết Kiêu	1	Toàn tuyến		10.000
	Hẻm 42	1	Đường Yết Kiêu	Giáp Hẻm 218 Đường Điện Biên Phủ	1.500
68	Đường Dã Tượng	1	Toàn tuyến		10.000
69	Đường Võ Đình Sâm	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	5.000
	Hẻm 5	1	Giáp đường Võ Đình Sâm	Hết thửa đất số 112, tờ bản đồ 29	800
	Hẻm 9	1	Giáp đường Võ Đình Sâm	Giáp đường Trần Văn Hòa	800
70	Đường Đặng Văn Viễn	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	5.000
71	Đường Pasteur	1	Đường Lê Vĩnh Hoà	Hẻm 2, giáp ranh Phường 5	5.000
	Hẻm 50	1	Suốt hẻm		800
72	Đường Bùi Viện	1	Toàn tuyến		5.500
	Hẻm 2	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 10, 17	1	Suốt hẻm		800
73	Đường Nguyễn Chí Thanh	1	Toàn tuyến		12.000
	Hẻm 4	1	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa đất số 57, tờ bản đồ 28 Nguyễn Ngọc Rạng	2.000
	Hẻm 79	1	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lai Văn Tùng	1.800
74	Đường Trần Văn Hòa	1	Toàn tuyến		5.000
	Hẻm 36, 74	1	Đường Trần Văn Hòa	Đường Bà Triệu	800
	Hẻm 12	1	Đường Trần Văn Hòa	Hết thửa đất số 113, tờ bản đồ số 37	800
75	Đường Bà Triệu	1	Toàn tuyến		5.000
76	Đường Đề Thám	1	Toàn tuyến		9.000
	Hẻm 6	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm nhánh 6/6	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm nhánh 6/11	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 23	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm nhánh 23/2	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm nhánh 23/4	1	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 24	1	Suốt hẻm		1.700
77	Đường Sơn Đê	1	Toàn tuyến		6.000
78	Đường Lê Văn Tám	1	Toàn tuyến		2.800
	Hẻm 79	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 68	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 122	1	Suốt hẻm		600
79	Đường Lai Văn Tùng	1	Toàn tuyến		6.000
	Hẻm 2	1	Suốt hẻm		1.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
80	Đường Châu Văn Tiếp	1	Toàn tuyến		5.000
81	Đường Nguyễn Văn Linh	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phú Lợi	7.000
		2	Đường Phú Lợi	Hết ranh thửa đất 28, tờ bản đồ số 6 - Đường 30/4	6.000
	Hẻm 160, 222	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 48, 366, 358, 414, 468	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 367	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 468	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 235	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 252	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 364	1	Suốt hẻm		1.100
	Hẻm 282	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm 398	1	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 305	1	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh đất Lương Thanh Hải (thửa 226, tờ bản đồ số 44)	1.000
	Hẻm 104	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 175	1	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37	850
	Hẻm 206	1	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	Giáp Hẻm 244, Phú Lợi	900
	Hẻm 187	1	Suốt hẻm		600
82	Đường Dương Kỳ Hiệp	1	Đường Nguyễn Văn Linh	Kênh 16m	4.000
		2	Kênh 16m	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1.000
		3	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Phú Mỹ huyện Mỹ Tú	800
	Hẻm 197	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 75	1	Giáp đường Dương Kỳ Hiệp	Hết thửa đất 594, tờ bản đồ số 53	600
83	Đường Kênh 30 tháng 4 (nhánh phía Đông)	1	Từ Hồ Nước Ngọt	Cầu dân sinh - hết ranh đất thửa 828, tờ bản đồ số 02	1.500
		2	Cầu dân sinh - giáp ranh đất thửa 828, tờ bản đồ số 02	Giáp ranh Phường 7	1.000
84	Đường Kênh 30 tháng 4 (nhánh phía Tây)	1	Từ Hồ nước ngọt	Cầu dân sinh	2.000
		2	Cầu dân sinh	Giáp ranh Phường 7	1.300
	Hẻm 150	1	Suốt hẻm		600

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
85	Đường Dương Minh Quan	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	6.000
	Hẻm 175, 243	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 220 (P3)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 46, 68 (P3)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 52 (P3)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 31 (P3)	1	Suốt hẻm		400
86	Đường Văn Ngọc Chính	1	Đường Lê Hồng Phong (đầu ranh thửa 75 tờ bản đồ 31)	Hết ranh đất Chùa Mã Tộc	5.500
		2	Giáp ranh đất chùa Mã Tộc	Tà Lách	3.000
		3	Tà Lách	Cầu đúc giáp ranh huyện Mỹ Xuyên	1.200
	Hẻm 10, 26, 120, 69, 91	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 52	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 99	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 153 (hẻm 135 cũ)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 205	1	Suốt hẻm		700
	Hẻm 271	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 231, 247, 259, 295	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 237	1	Suốt hẻm		850
	Hẻm 279, 312, 420, 384, 434	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 185, 221, 267, 327	1	Suốt hẻm		600
87	Đường Đoàn Thị Điểm	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	3.500
	Hẻm 122	1	Giáp đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57	600
		2	Đầu ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 57	Bờ kênh thủy lợi giáp ranh huyện Mỹ Xuyên	750
	Hẻm 179	3	Giáp đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 146, tờ bản đồ số 37	600
	Hẻm 152, 194, 204	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 30 nối dài	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 30, 74	1	Suốt hẻm		600
88	Đường Sóc Vồ	1	Toàn tuyến		700
	Hẻm 23, 103	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 171, 113, 97	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 199, 119, 157	1	Suốt hẻm		250



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
89	Đường Lê Hoàng Chu	1	Cầu kênh Xáng (QL 1A)	Đường Sóc Vồ	1.300
	Hẻm 202	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 294	1	Suốt hẻm		250
90	Đường Nam Kỳ Khởi nghĩa	1	Cầu Đen (Quốc lộ 1A)	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	3.000
		2	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Bia tường niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 18	2.000
		3	Bia tường niệm - Giáp thửa đất số 13 tờ bản đồ số 18	Giáp ranh huyện Châu Thành	1.000
	Hẻm 369 (đ.bãi rác)	1	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Bãi rác	600
	Hẻm 325	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 233	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 233/12A	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 233/4D	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 233/11	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 114A	1	Suốt hẻm		350
	Hẻm 176 (Đường vào Trường CD nghề)	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 157	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm nhánh 157/2	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 157/17	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 157/22	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 157/39	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 91	1	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	BND Khóm 5	1.200
	Hẻm 47	1	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	BND Khóm 5	400
	Hẻm 60	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm nhánh 60/29	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 70	1	Suốt hẻm		400
91	Đường Trần Văn Bảy	1	Đường 30 tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	2.600
	Hẻm 20	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 41	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 80	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 108	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 99, 134	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 163	1	Suốt hẻm		500
92	Đường Lý Đạo Thành	1	Toàn tuyến		2.500
	Hẻm 8	1	Suốt hẻm		400

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
93	Đường Huỳnh Phan Hộ	1	Đường Hùng Vương	Cổng rạch Trà Men	1.500
	Hẻm 2	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	400
	Hẻm nhánh 2/10	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 2/13	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 36	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	400
	Hẻm nhánh 36/8	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 64	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Thửa số 114	400
	Hẻm 76	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	400
	Hẻm 110	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	400
	Hẻm 117	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Rạch Trà men	400
94	Đường Trần Quốc Toàn	1	Đường Hùng Vương	Cổng rạch Trà Men	1.800
	Hẻm 46	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 104	1	Đường Trần Quốc Toàn	Rạch Trà men	400
	Hẻm 109	1	Suốt hẻm		400
95	Đường Kênh Hồ Nước Ngọt	1	Đường Hùng Vương	Kênh Trường Thọ	2.000
	Hẻm 29 (P6)	1	Từ kênh HNN	Kênh 30/4	600
	Hẻm nhánh 29/16 (P6)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 32 (P5)	1	Suốt hẻm		250
96	Đường Phú Tức	1	Đường Quốc Lộ 1A	Dương Kỳ Hiệp	900
	Hẻm 189 (P2)	1	Suốt hẻm		250
97	Đường đal cặp rạch Phú Tức (P2)	1	Đường Phú Tức	Đường Dương Kỳ Hiệp (P2)	600
98	Lộ giao thông Khóm 6, Phường 7 giáp ranh huyện Châu Thành	1	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Dương Kỳ Hiệp	600
99	Đường Võ Thị Sáu	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Duẩn	5.000
	Hẻm 7	1	Suốt hẻm		900
100	Đường Trần Quang Khải	1	Quốc lộ 1A	Kênh 8m	4.000
	Hẻm 42, 47	1	Suốt hẻm		600
101	Đường Sương Nguyệt Anh	1	Đập thủy lợi Phường 7	Kênh 3 tháng 2 (đường Dương Kỳ Hiệp)	800
	Hẻm 94 (P2)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 83 (P2)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 132 (P2)	1	Suốt hẻm		250
102	Tuyến tránh Quốc lộ 60	1	Trên địa bàn Phường 7		3.000
		2	Trên địa bàn Phường 5		2.000
	Hẻm 192	1	Suốt tuyến		800

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm 334	1	Suốt tuyến		500
103	Tỉnh lộ 934 (An Dương Vương)	1	Toàn tuyến		2.000
104	Đường Trương Vĩnh Ký (đường kênh Xáng Xà Lan cũ)	1	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Giáp ranh huyện Châu Thành	800
	Hẻm 135, 137	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 193, 291	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 97	1	Suốt hẻm		250
105	Phan Đăng Lưu (đường kênh Xáng Xà Lan cũ)	1	Đập thủy lợi Phường 7	Giáp ranh huyện Châu Thành - Cầu Thanh niên	800
	Hẻm 34 (P7)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 02 (P7)	1	Suốt hẻm		250
106	Đường Triệu Quang Phục (đường Cổng Trắng)	1	Quốc lộ 1A	Lộ nhựa Quân khu IX	1.500
	Hẻm 12	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 911/12	1	Suốt hẻm		400
107	Đường kênh Thị đội	1	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh đường Chông Chác	800
108	Đường Sóc Mỏ côi cũ	1	Đường Phạm Hùng	Đến giáp ranh Phường 5 (đường cùng)	600
109	Đường Bờ Tả sông Saintard	1	Đường Phạm Hùng	Giáp xã Châu Khánh	600
110	Đường Lộ Châu Khánh	1	Cuối đường Phạm Hùng	Giáp xã Châu Khánh	500
	Đường Tôn Đức Thắng	1	Cầu C247	Đường Lê Vĩnh Hòa	15.000
		2	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm chùa Phước Nghiêm	9.000
		3	Ranh hẻm Chùa Phước Nghiêm	Hết ranh UBND Phường 5	6.500
		4	Giáp ranh UBND Phường 5	Giáp đường Lương Định Của	4.000
	Hẻm 87	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hết thửa số 51, tờ bản đồ 44 Trần Quan Huôi	2.300
	Hẻm 163	1	Suốt hẻm		2.300
	Hẻm nhánh 163/2/1	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 189	1	Suốt hẻm		2.300
	Hẻm 196	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hết thửa số 179, tờ bản đồ 45 Hoàng Thiên Nga	2.300
	Hẻm 222	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm nhánh 222/15/1	1	Suốt hẻm		400

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
111	Hẻm nhánh 222/22/1	1	Suốt hẻm		450
	Hẻm 250	1	Suốt hẻm		2.300
	Hẻm 278, 322, 352	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm nhánh 278/13/1	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm nhánh 278/46/1	1	Suốt hẻm		450
	Hẻm nhánh 322/8/1	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm nhánh 352/8/2	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 354A	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 283	1	Suốt hẻm		2.300
	Hẻm 311, 319, 337, 398	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 368	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 371, 389	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 389/1/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 382	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 420	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 420/40/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 420/24/2	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 452	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 452/24/4	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 452/28/2	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 472	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 498	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 498/22/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 516	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 516/38/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 532, 542	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 552	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 580	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm nhánh 580/10/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 580/32/1	1	Suốt hẻm		330
	Hẻm nhánh 580/42/1	1	Suốt hẻm		330
	Hẻm nhánh 580/49/1	1	Suốt hẻm		330
	Hẻm nhánh 580/61/1	1	Suốt hẻm		310
	Hẻm 589	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 525	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 573, 596	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 573/3/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 593	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 638	1	Suốt hẻm		1.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm nhánh 638/2/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 638/1/2	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 638/2/2	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 674	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 658, 684	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 684/9/2	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 684/10/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 708	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm nhánh 708/10/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 708/18/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 708/22/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 716	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 726	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 726/22/1	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 744, 762, 780, 788	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm nhánh 744/6/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 744/12/2	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 792	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 806, 814	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 49 (hẻm cũ 81 - P6)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 55 (P6)	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 4 Đ. Nguyễn Chí Thanh	2.000
	Hẻm 74 (P8)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 146 (P8)	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Văn Hòa	3.000
	Hẻm 166 (P8)	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2 (P8)	3.000
	Hẻm 178 (P8)	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2 (P8)	2.500
	Đường Phạm Hùng	1	Đường Bà Triệu	Đường Coluso	4.000
		2	Đường Coluso	Cổng 77	2.500
		3	Cổng 77	Cầu Saintard	2.000
	Hẻm 147A (P5)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 5	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 5/1	1	Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp Kênh Cầu Xéo	500
	Hẻm 5/13	1	Hẻm 5/1	Hết thửa 166, tờ bản đồ số 33	300
	Hẻm 117	1	Đường Phạm Hùng	Hết thửa 177 tờ bản đồ số 34 Trần Mạnh Cường	1.000
		1	Giáp thửa 177 tờ bản đồ số 34 Trần Mạnh Cường	Cuối hẻm	800
112	Hẻm 54	1	Suốt hẻm		800

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm 98	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 112	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 126	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 158	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 222	1	Đường Phạm Hùng	Hết thửa đất 245, tờ bản đồ số 34 Nguyễn Thị Thu Hiền	500
	Hẻm 663	1	Đường Phạm Hùng	Hết thửa đất 100, tờ bản đồ số 7 ông Hai Tèo	500
	Hẻm 838	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 843	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 843/1	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 843/2	1	Suốt hẻm		250
113	Đường Cao Thắng	1	Đường Coluso	Hết thửa đất 51, tờ bản đồ số 45	2.000
		2	Giáp thửa đất 51, tờ bản đồ số 45	Đường Phạm Hùng	1.000
	Hẻm 13	1	Giáp đường Cao Thắng	Hết thửa đất số 91, tờ bản đồ 19	500
	Hẻm 91	1	Đường Cao Thắng	Hết thửa 4, tờ 48 Lý Văn Hiền	300
	Hẻm 143	1	Đường Cao Thắng	Hết thửa 119 của hộ ông Nguyễn Văn Chơ	300
	Hẻm 290	1	Đầu ranh thửa 290, tờ bản đồ số 10 - Lê Thanh Hiền, đầu ranh thửa 17 tờ bản đồ số 24	Cầu Thanh niên khóm 6	450
114	Đường vào Cảng sông	1	Phạm Hùng	Cao Thắng	1.500
	Đường Chông Chác	1	Kênh Thị Đội	Tôn Đức Thắng	600
115	Hẻm 96, 134, 145, 167 172, 182, 214, 215 (P5)	1	Suốt hẻm		250
116	Đường Lương Định Của	1	Cổng Chông Chác	Giáp ranh huyện Long Phú	2.500
	Hẻm 71, 81, 176, 192, 204 (P5)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 90 (P5)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 97 (P5)	1	Suốt hẻm		500
	Đường Kênh Xáng (Coluso) - Nhánh 1 và Nhánh 2	1	Đường Bà Triệu	Hết thửa đất 21, tờ bản đồ số 43 - Hết thửa đất 4, tờ bản đồ số 43	1.800

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
117	Hẻm 24 Cầu đen Kênh Xáng	1	Đầu hẻm	Hết thửa 138, tờ bản đồ số 38 Huỳnh Thị Dư	400
		1	Giáp thửa 138, tờ bản đồ số 38 Huỳnh Thị Dư	Cuối hẻm	400
	Hẻm 68 (Hẻm Cầu Đen Kênh Xáng)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 84 (Hẻm Cầu Đen Kênh Xáng)	1	Đường Cầu Đen	Hết thửa 125, tờ bản đồ số 33 Vương Tuấn Phát	400
	Hẻm 63	1	Đường Kênh Xáng (Coluso)	Giáp hẻm 84 (Cầu Đen), hết thửa 12 tờ bản đồ 39	500
	Hẻm nhánh 63/19	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm nhánh 63/51	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 213	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 245	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 249	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 275	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 260	1	Đường Kênh Xáng (Coluso)	Đường Lê Duẩn	400
118	Đường hẻm Cầu Đen - Kênh Xáng	1	Đầu hẻm	Hết thửa 504, tờ bản đồ số 30 Lê Thị Cẩm Vân	500
		2	Giáp thửa 504, tờ bản đồ số 30 Lê Thị Cẩm Vân	Hết thửa 42, tờ bản đồ số 31 Thạch Chiêu	400
		3	Giáp thửa 42, tờ bản đồ số 31 Thạch Chiêu	Cuối hẻm	350
	Hẻm 24	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm nhánh 24/5	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 68	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 84	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 84/11	1	Suốt hẻm		250
119	Đường lộ đá Coluso (P8)	1	Đường Phạm Hùng	Hết thửa đất 21, tờ bản đồ số 43 - hết thửa đất 4, tờ bản đồ số 43	2.000
	Hẻm 10	1	Đường lộ đá Coluso	Đường Kênh Xáng	500
	Hẻm 11	1	Đường lộ đá Coluso	Đường Lê Duẩn	500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
120	Đường dân sinh trước Bệnh viện Đa khoa tỉnh song song với Lê Duẩn (P9)	1	Kênh Cồ Bắc	Kênh 3 tháng 2	3.600
121	Đường cặp Kênh 3/2 (P9)	1	Mạc Đĩnh Chi	Đường kênh Quảng Khuôn	500
		1	Đường Kênh Quảng Khuôn	Bạch Đằng	500
122	Đường Mạc Đĩnh Chi nối dài (Đê bao ngăn mặn) K6P4	1	Sông Đĩnh	Giáp huyện Trần Đề	800
123	Đường Lê Đại Hành	1	Khóm 6, Phường 4		1.000
	Hẻm 764 (P4)	1	Suốt hẻm		350
	Hẻm 769, 859 (P4)	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 955 (P4)	1	Suốt hẻm		500
124	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	1	Đường Phạm Hùng	Giáp đường Chông Chác	600
	Hẻm 36, 68, 134, 236	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 248 (P5)	1	Suốt hẻm		250
125	Lộ nhựa (Coluso nối dài)	1	Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp kênh cầu xéo	1.000
126	Đường kênh Quảng Khuôn	1	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30/4 - Khóm 5, P9	1.000
127	Lộ nhựa cặp kênh 8m - Phường 2	1	Toàn tuyến		800
128	Đường Trần Thủ Độ	1	Đường Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 1A	1.500
129	Đường đê bao Trà Quýt (lộ đất cặp kênh đi Phụng Hiệp K3P7)	1	Quốc lộ 1A	Nguyễn Trường Tộ	600
130	Lộ đất giáp ranh huyện Mỹ Xuyên P10	1	Quốc lộ 1A	Đường Văn Ngọc Chính	450
131	Lộ nhựa cặp Quận khu IX	1	Đầu ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 53 (Khóm 3, Phường 2)	Giáp đường Trần Hưng Đạo	1.500
	Hẻm 147	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 133	1	Suốt hẻm		550
	Hẻm 165	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 911/165	1	Suốt hẻm		300
132	Lộ nhựa cặp sông Maspero Phường 8	1	Từ đường Cao Thắng, giáp khán đài đua ghe Ngo	Giáp ranh thu hồi KCN (hết đất ông Thạch Huil)	1.500
133	Các hẻm vào khu vực chợ bàn cờ đường Hoàng Diệu	1	Toàn hẻm		5.000
134	Lộ đal Xóm Chải	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Duẩn	1.000
135	Lộ đal Phường 9	1	Đường 30/4	Cuối đường	700
136	Hẻm 357 (đường vào Trường Quân Sự tỉnh)	1	Suốt hẻm		1.700
137	Lộ kênh Trường Thọ	1	Kênh 30 tháng 4	Đường Kênh 19 tháng 5	600

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
II	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ ĐÔ THỊ				
1	Lộ đá Khu dân cư Bình An	1	Toàn tuyến		2.500
2	Khu dân cư Hưng Thịnh	1	Toàn khu dân cư		4.000
3	Khu dân cư Tuấn Lan (P6)	1	Toàn khu dân cư		2.500
4	Khu dân cư Hạnh Phúc	1	Toàn khu dân cư		2.000
5	Khu dân cư của Hẻm 357 (điểm dân cư Trường Quân sự tỉnh)	1	Toàn khu dân cư		1.500
6	Khu dân cư Nguyễn Hưng Phát	2	Các tuyến đường nội bộ trong Khu dân cư (trừ các thửa đất có cạnh tiếp giáp đường Điện Biên Phủ)		2.000
		1	Các thửa đất có cạnh tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (đoạn từ đường Yết Kiêu đến Cầu Đức)		4.000
7	Khu dân cư Sáng Quang Phường 10	1	Toàn khu dân cư		1.500
8	Khu dân cư Sáng Quang Phường 2	1	Toàn khu dân cư		2.000
9	Khu dân cư Minh Châu				
	Đường A1, A2	1	Toàn tuyến		700
	Đường B	1	Quốc lộ 1A	Đường A2	2.500
		2	Đường A2	Đường A1	1.000
		3	Đường A1	Kênh 30/4	700
	Đường C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7	1	Toàn tuyến		700
Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16, D17, D18, D19	1	Toàn tuyến		700	
10	Khu dân cư xung quanh Trường Quân sự Quân Khu 9				
	Khu A	1	Các lô A5, A8, A12		5.000
	Khu B	1	Có mặt tiền giáp đường Trần Hưng Đạo		5.000
	Đường số 1	1	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Đường số 9	3.000
		2	Đường số 9	Đường số 7	2.300
	Các đường số 2, 3, 4, 5, 6, 6A, 7, 8, 9, 10	1	Toàn tuyến		2.000
11	Dự án Phát triển đô thị và tái định cư khu 5A				
	Đường 9A, 9B, 14, 20, 22 và 23	1	Toàn tuyến		2.500
	Đường số 5, 6, 16	1	Toàn tuyến		3.000
	Đường số 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 21, N24	1	Toàn tuyến		2.500
	Các đường còn lại trong KDC	1	Toàn tuyến		2.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
B	THỊ XÃ NGÃ NĂM				
I	PHƯỜNG 1				
1	Đường Nguyễn Trung Trực.	1	Đầu ranh đất bà Ngô Thị Mết (cầu Trắng cũ)	Cổng 5 Kẹ	4.500
		2	Cổng 5 Kẹ	Cầu Thanh niên (Khóm 1)	1.750
		3	Cầu Thanh niên (Khóm 1)	Cầu Quản Lộ Phụng Hiệp (Khóm 7)	1.200
		4	Cầu Quản lộ Phụng Hiệp (Khóm 7)	Kênh 90	700
		5	Kênh 90	Hết tuyến	500
2	Lộ đal kênh Năm Kẹ	1	Giáp đường Phạm Hùng	Giáp ranh Phường 3	400
3	Đường 3 tháng 2	1	Đầu ranh đất bà Ngô Thị Mết (Cầu trắng cũ)	Đường Trần Văn Bảy	5.800
		2	Đường Trần Văn Bảy	Hết ranh chùa Phật Mẫu	4.200
		3	Giáp ranh Chùa Phật Mẫu	Hết ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	2.500
		4	Giáp ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	Cầu Cổng đá	1.800
4	Đường Lê Hồng Phong	1	Suốt tuyến		4.500
5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1	Suốt tuyến		5.000
6	Đường Võ Thị Sáu	1	Suốt tuyến		4.500
7	Đường Trần Văn Bảy	1	Suốt tuyến		4.500
8	Đường Mai Thanh Thế	1	Giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	5.000
		2	Đường Trần Văn Bảy	Giáp đường Phạm Hùng	3.800
9	Đường Hùng Vương	1	Cầu Ngã Năm mới (ngang khu hành chính)	Đầu đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	3.800
		2	Giáp đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	Cầu Đỏ mới	1.800
		3	Cầu Đỏ mới	Cầu Bến Long	1.000
10	Đường Trần Hưng Đạo	4	Cầu Bến Long	Hết tuyến (giáp Phường 2)	400
		5	Cầu Bến Long	Hết tuyến (giáp xã Long Bình)	250
11	Khu dân cư Khóm 3, Phường 1	1	Đường N1		1.500
		1	Đường N2		1.500
		1	Đường N22		1.500



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
12	Đường N1 (Cụm công nghiệp Khóm 4)	1	Suốt tuyến		300
13	Đường 30 tháng 4	1	Mố cầu Đò cũ (đường 1-5) đến đầu voi	Hết ranh đất ông Năm Miên	1.000
		2	Giáp ranh đất ông Năm Miên	Đường nối Quốc lộ 61B (Nhánh rẽ 42 - Trà Ban)	700
14	Đường 1 tháng 5	1	Mố cầu Đò cũ	Rạch Xẻo Cạy	500
		2	Rạch Xẻo Cạy	Giáp ranh Phường 2	300
15	Đường Lê Văn Tám	1	Cầu Chùa Ông Bồn đến đầu voi	Hết ranh đất bà Ba Đê	600
		2	Giáp ranh đất bà Ba Đê	Hết ranh đất Hai Thời	400
		3	Giáp ranh đất Hai Thời	Cầu 2 Chánh giáp xã Vĩnh Quới	300
16	Đường Lê Văn Tám (đoạn mới làm)	1	Cầu chùa Ông Bồn	Hết ranh đất Hai Thời	300
17	Đường Lạc Long Quân	1	Giáp đường Mậu Thân	Hết ranh đất chùa Ông Bồn cũ	700
		2	Giáp ranh đất chùa Ông Bồn cũ	Giáp ranh xã Vĩnh Quới	250
18	Đường Mậu Thân	1	Giáp đường Lạc Long Quân	Cầu Treo	1.000
		2	Cầu treo	Cầu Đường Trâu	800
19	Đường Nguyễn Trãi (Quốc lộ 61B)	1	Giáp đường Hùng Vương (mố cầu Đò cũ)	Cổng ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	1.300
20	Đường Lê Hoàng Chu	1	Suốt đường		300
21	Quốc lộ 61B	1	Giáp xã Long Bình	Cổng ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	800
		2	Cổng ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	Cầu Đò mới	600
		3	Cầu Đò mới	Giáp Đường 30/4	500
		3	Giáp Đường 30/4	Cầu Dừa (Trà Ban)	500
22	Lộ đal kênh 30/4	1	Giáp đường Phạm Hùng (nối dài)	Giáp ranh giới Phường 3	400
23	Đường Huỳnh Thị Tân	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Hùng	2.000
		2	Đoạn còn lại		400
24	Đường Phạm Hùng	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường 3/2	1.800
25	Đường Nguyễn Huệ	1	Giáp đường Mai Thanh Thế	Quản lộ Phụng Hiệp	1.800
26	Đường Nguyễn Văn Linh	1	Quản lộ Phụng Hiệp	Hết tuyến	1.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
27	Quản lộ Phụng Hiệp	2	Kênh Cống Đá	Cầu kênh Phú Lộc - Ngã Năm	700
		1	Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	Kênh Bến Long	700
		3	Kênh Bến Long	Ranh Phường 2	500
28	Đường Phạm Văn Đồng	1	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Văn Linh	2.000
		2	Cầu Ngã Năm mới	Đường Nguyễn Huệ	1.800
29	Đường Xẻo Cạy (hai bên)	1	Giáp Đường 1 tháng 5	Giáp đường 30/4 (cầu Dừa)	250
30	Kênh 90 (hai bên)	1	Giáp đường Nguyễn Trung Trực	Ranh xã Phường 3	250
31	Lộ mới Khóm 2	1	Cầu chùa Ông Bồn	Bờ kè chợ nổi	300
II PHƯỜNG 2					
1	Đường Cách Mạng Tháng 8	1	Cổng Lý Thanh	Đường vào khu hành chính mới	3.100
2	Khóm 1	1	Đầu ranh đất bà Hoàng	Hết ranh đất Trường Tiểu học Phường 2	2.200
3	Đường Lý Tự Trọng	1	Đường vào khu hành chính mới	Hết đất cây xăng ông Dũng	2.000
		2	Giáp đất cây xăng ông Dũng	Kênh 8/3	1.000
		3	Kênh 8/3	Kênh Mỹ Lợi	500
		3	Kênh Mỹ Lợi	Cầu kênh Bình Hưng	500
		4	Cầu kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Tân Long	350
4	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	1	Giáp cổng Lý Thanh	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Từ	700
		2	Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh đến đầu voi	Hết ranh đất nhà máy Tư Mễnh	400
		3	Đầu ranh đất cây xăng Trường Thịnh	Giáp phường Trà Lồng-thị xã Long Mỹ - Hậu Giang	300
		3	Cầu Treo	Giáp Phường 1	300
		3	Đầu ranh đất Bà Hoàng	Giáp Phường 1	300
5	Đường Âu Cơ	1	Đầu ranh đất ông Sùng	Giáp đường Quản lộ - Phụng Hiệp	1.200
6	Khóm 1 (Áp Tân Lập B)	1	Đầu ranh đất ông Tăng Văn Tuấn đến đầu voi	Hết ranh đất nhà ông Cà Hom	400
7	Khóm Tân Thành A	1	Đầu ranh đất Trại cửa Phú Cường đến đầu voi	Đến mố cầu treo	400



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
8	Quản lộ Phụng Hiệp	4	Giáp huyện Mỹ Tú	Giáp kinh xáng Mỹ Phước	300
		2	Kinh Xáng Mỹ Phước	Kênh 8/3	500
		1	Kênh 8/3	Hết đất Bà Hoàng	600
		2	Giáp ranh đất bà Hoàng	Hết ranh trường THCS	500
		3	Giáp ranh đất Trường THCS	Giáp Phường 1	450
9	Quốc lộ 61B	1	Giáp ranh Cầu Dừa	Cầu Trà Ban (giáp ranh tỉnh Hậu Giang)	500
10	Đường UBND Phường	1	Đầu ranh đất UBND Phường	Giáp đường vào Trường học cũ	600
III	PHƯỜNG 3				
1	Đường nhựa ven Kênh Xáng Phụng Hiệp	1	Cầu Cống Đá	Hết ranh đất Lộ rẽ Tám Tuần đầu nối QLPH	1.000
		2	Giáp ranh đất Lộ rẽ Tám Tuần đầu nối QLPH	Hết ranh đất ông Tám Thầy	650
		3	Khu vực đất quy hoạch chợ Vĩnh Biên (Nay thuộc phường 3)		1.300
		4	Đầu ranh đất Trường THCS Phường 3 (ngoại trừ đất quy hoạch chợ Vĩnh Biên nay thuộc Phường 3)	Giáp ranh đất ông Tám Thầy	1.000
		5	Giáp ranh đất Trường THCS Phường 3	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	400
2	Quản lộ Phụng Hiệp	1	Cầu Cống Đá	Cống Tám Xưa	600
		2	Cống Tám Xưa	Cống Hai Cường	450
		1	Cống Hai Cường	Cầu Nàng Rền	600
		3	Cầu Nàng Rền	Giáp tỉnh Bạc Liêu	400
3	Tỉnh lộ 937B	1	Giao giữa Quản Lộ Phụng Hiệp - kênh Nàng Rền	Giáp ranh Mỹ Bình	350
4	Lộ kinh Huỳnh Yến	1	Cầu Cống Đá cũ	Giáp ranh Mỹ Bình	250
5	Lộ Kinh Ngang	1	Cầu Kinh Tư	Giáp ranh Mỹ Bình	250
6	Lộ Kinh 90	1	Giáp Khóm 7 Phường 1	Ngã tư Kinh Ngang ông Hiếu - ông Phong	250
7	Lộ Làng Mới	1	Giáp Mỹ Bình	Giáp Bạc Liêu	250
8	Lộ bà Liếm	1	Cầu Huỳnh Yến	Cầu Hai Nhuận	250
9	Lộ kinh Xóm Lắm	1	Tỉnh lộ 937B	Ngã ba Làng Mới (ông Khởi)	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
10	Kênh Tuấn Hón	1	Giáp Quán Lộ Phụng Hiệp	Cầu Hai Hỏ	250
		1	Giáp Quán Lộ Phụng Hiệp	Cầu Ba Nhánh	250
IV	XÃ MỸ QUỚI				
1	Khu vực Trung tâm xã	ĐB	Đầu ranh đất Hai Di	Hết ranh đất ông Trần Văn Lắm	2.500
2	Ấp Mỹ Thành	KV1-VT1	Đầu ranh đất ông Trần Văn Lắm	Cầu Mới	1.000
		KV1-VT3	Cầu Mới	Hết ranh đất Sáu Phi	700
		KV2-VT2	Đầu ranh đất Sáu Phi	Giáp ranh xã Mỹ Bình	400
		KV2-VT1	Đầu ranh đất bà Hai Di	Giáp ranh xã Mỹ Bình	500
		KV1-VT2	Cầu Tỉnh lộ 937B (Hương lộ 17) đến UBND xã	Hết ranh đất Nhà máy ông Chung	750
3	Lộ Mỹ Bình - Mỹ Quới	KV1-VT1	Từ đầu lộ	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thực	500
4	Ấp Mỹ Thọ	KV2-VT1	Đầu ranh đất Nhà máy ông Chung	Hết ranh đất Sáu Quyền	550
		KV2-VT2	Giáp ranh đất Sáu Quyền	Hết ranh đất ông Tư Thiện	500
5	Hương lộ 17 (Tỉnh lộ 937 B)	KV1-VT1	Cầu chợ Mỹ Quới	Hết ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	1.000
		KV1-VT2	Giáp ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	Cầu Số 1 (Cầu Bung Sen)	700
		KV1-VT3	Cầu số 1 (cầu Bung Sen)	Giáp ranh xã Mỹ Bình	500
6	Ấp Mỹ Tây A - Mỹ Tường B	KV1-VT1	Cầu mới	Hết ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	900
7	Ấp Mỹ Tường B	KV1-VT2	Giáp ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	Hết ranh đất Tư Đồi	650
		KV1-VT3	Giáp ranh đất Tư Đồi	Cầu ông Xi	400
8	Ấp Mỹ Thọ	KV1-VT2	Đầu ranh đất Năm Châu đến đầu voi	Hết ranh đất Châu Thị Mỹ	500
9	Ấp Mỹ Tây A	KV1-VT2	Cầu Mới	Hết ranh đất ông Dương Huỳnh Long	650
10	Đường Mỹ Quới - Rộc Lá	KV1-VT1	Giáp khu vực xây dựng chợ Nhà ông Đạt Em)	Cầu mới	1.000
		KV1-VT2	Cầu mới	Hết ranh đất ông Hà Tấn Liêm	450
		KV1-VT3	Giáp ranh đất ông Hà Tấn Liêm	Cầu Mỹ Hưng	300
11	Lộ B Mỹ Thành (kênh Thầy Cai Nhâm)	KV2-VT3	Kênh Mương lộ	Giáp ranh xã Mỹ Bình	250



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
V	XÃ TÂN LONG				
1	Quốc lộ 61B	KV2-VT1	Cầu ông Tàu giáp xã Thạnh Tân	Cầu Cái Trầu	800
		KV1-VT2	Cầu Cái Trầu, KV chợ Tân Long	Hết ranh đất UBND xã Tân Long	1.600
		KV1-VT1	Giáp ranh đất UBND xã Tân Long	Cầu Ba Bọng	800
		KV2-VT1	Cầu Ba Bọng	Giáp xã Long Bình	500
2	Ấp Long Thạnh	KV1-VT1	Cầu Cái Trầu	Cầu Xéo	820
3	Lộ liên xã Tân Long - Phường 2	KV2-VT2	Cầu Ba Bọng	Hết ranh xã	300
4	Đường vào phố	KV2-VT1	Đầu ranh đất nhà ông Ty	Hết ranh đất nhà ông Hiệp	400
5	Hẻm Trạm Y tế	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Em	Hết ranh nhà máy ông Tư Cư	250
VI	XÃ VĨNH QUỚI				
1	Trung tâm xã	KV1-VT1	Cầu Sóc Sãi đến UBND xã	Cầu Đường Tắc	300
2	Đường ô tô	KV1-VT2	Hết tuyến		250
3	Tuyến Kinh Xáng Quán Lộ Phụng Hiệp	KV2-VT2	Cầu Đường Trâu	Cổng Bảy Tươi	250
		KV2-VT2	Cổng Bảy Tươi	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	250
4	Tuyến Kinh Xáng Chìm	KV2-VT2	Giáp ranh ấp 2	Hết đất nhà thờ Cái Trầu	250
5	Tuyến rạch Xéo Sãi	KV2-VT2	Cầu Ngã Tư Sóc Sãi	Hết ranh đất ông Quách Văn Ngón	250
6	Tuyến lộ chùa Ô Chum	KV2-VT2	Cầu Ngã Tư Sóc Sãi	Hết ranh đất Khóm 2 (Phường 1)	250
7	Tuyến lộ ngang chùa Ô Chum	KV2-VT2	Cầu Ngã Tư Lục Bà Tham	Hết ranh đất Khóm 2 (Phường 1)	250
8	Tuyến cứng hóa đê bao	KV2-VT3	Đầu ranh đất nhà Út Tô	Hết đất ông Thanh Văn	250
VII	XÃ LONG BÌNH				
1	Quốc lộ 61B (Tỉnh lộ 937)	KV1-VT1	Giáp kênh Dân quân Khóm 3, Phường 1	Cổng 7 Oanh	700
		KV1-VT2	Cổng 7 Oanh	Hết địa giới xã (giáp Tân Long)	500
2	Lộ A Mỹ Hòa - Mỹ Hiệp	KV2-VT3	Giáp Khóm 7 Phường 1	Giáp xã Mỹ Bình	250
VIII	XÃ MỸ BÌNH				
1	Trung tâm xã	KV1-VT1	Đầu ranh đất Trường học	Cổng Hai Nhân	400
2	Hương lộ 17 (Tỉnh lộ 937B)	KV1-VT1	Hết tuyến		300
3	Tuyến Hai Nhân - Mỹ Quới	KV2-VT2	Cổng Hai Nhân	Giáp ranh Phường 3	250
		KV2-VT1	Giáp ranh đất ranh đất trường học	Giáp ranh xã Mỹ Quới	300
4	Tuyến Cổng Hai - Sáu Hùng	KV2-VT1	Cổng Hai gốc tre	Cổng Sáu Hùng (giáp ranh xã Mỹ Quới)	300
5	Tuyến cầu Nàng Rền	KV2-VT3	Cầu Nàng Rền	Giáp Long Bình	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
C	THỊ XÃ VĨNH CHÂU				
I	PHƯỜNG 1				
1	Đường Trung Trắc	1	Toàn tuyến		12.000
2	Đường Trung Nhị	1	Toàn tuyến		12.000
3	Đường Trần Hưng Đạo	1	Ngã 4 đường 30 tháng 4	Đến ngã 4 đường Lê Lai	8.000
		2	Ngã 4 đường 30 tháng 4	Đến đường Phan Thanh Giản	6.000
		3	Ngã tư Lê Lai	Hết đất Chùa Bà	5.000
		4	Giáp đất Chùa bà	Cầu Ngang	4.000
	Hẻm 2	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 9	1	Toàn tuyến		650
	Hẻm 10	1	Đầu ranh đất ông Đỗ Văn Út	Hết ranh đất bà Kim Thị Út	500
	Hẻm 25	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 36	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 52	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 89	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 125 (Hẻm Ba Cò cũ)	1	Toàn tuyến		650
	Hẻm 145	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 162	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 196	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 301 (Hẻm Khu Thương Nghiep cũ)	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 332	1	Toàn tuyến		350
4	Đường Đề Thám	1	Toàn tuyến		4.000
5	Đường 30 tháng 4	1	Cầu Vĩnh Châu	Ngã tư Nguyễn Huệ	7.000
		2	Ngã tư Nguyễn Huệ	Quốc lộ Nam Sông Hậu	5.000
		3	Cầu Vĩnh Châu	Hết đất ông Khuru Lý Mình phía Đông. Hết đất bà Nguyễn Thị Dung phía Tây lộ 30/4	4.500
		4	Giáp đất ông Khuru Lý Mình phía Đông, giáp đất Nguyễn Thị Dung phía Tây lộ 30/4	Đến cầu Giồng Dú	3.500
	Hẻm 16 (cặp Cây xăng số 13 cũ)	1	Toàn tuyến		460
	Hẻm 36	1	Toàn tuyến		300

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm 44	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 102 (vào nhà trọ Huy Hoàng cũ)	1	Toàn tuyến		750
	Hẻm 137	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 150	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 181	1	Toàn tuyến		460
	Hẻm 186	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 204	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 418	1	Toàn tuyến		300
6	Đường 1 tháng 5	1	Đường 30 tháng 4	Đường số 6	5.000
7	Đường Lê Lợi	1	Cầu Vĩnh Châu	Đường Lê Lai	6.000
		2	Cầu Vĩnh Châu	Đường Phan Thanh Giản	5.000
		3	Ngã 3 đường Phan Thanh Giản	Hết ranh kho Công ty Vĩnh Thuận	2.000
8	Đường Phan Thanh Giản	1	Toàn tuyến		3.000
	Hẻm 13	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 21 (Hẻm Cơ khí cũ)	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 22 (Đối diện hẻm cơ khí cũ)	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 36 (Sau đội quản lý duy tu sửa chữa)	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 37 (Vào nhà ông Thống)	1	Toàn tuyến		500
9	Đường Nguyễn Huệ	1	Đầu ranh đất Chùa Ông	Ngã 4 Đường 30 tháng 4	8.000
		2	Ngã 4 Đường 30 tháng 4	Ngã 4 đường Phan Thanh Giản	6.000
		3	Ngã 4 đường Phan Thanh Giản	Giáp đường Thanh niên	5.000
		4	Giáp đường Thanh niên	Ranh phường Vĩnh Phước	3.500
	Hẻm 3	1	Toàn tuyến		400
	Hẻm 143	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 210 (Cấp nhà ông Lâm Hai)	1	Từ đầu hẻm	Hết đất ông Kim Xê	500
		2	Đoạn còn lại		370
	Hẻm 232	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm số 251 (Cấp nhà ông Phát)	1	Toàn tuyến		2.200
	Hẻm 286	1	Toàn tuyến		400
	Hẻm 305 (Vào nhà ông Sơn Mo Nát)	1	Từ đầu hẻm	Hết đất ông Mã Quốc Cường	370
		2	Đoạn còn lại		250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm 375 (Cấp nhà Trường Dân tộc nội trú)	1	Toàn tuyến		700
10	Đường Thanh niên	1	Toàn tuyến		3.000
	Hẻm 20 (cấp Kho Trương Kết)	1	Toàn tuyến		400
	Hẻm 23 (đối diện Làng nường)	1	Toàn tuyến		400
	Hẻm 56	1	Toàn tuyến		350
11	Đường Đồng Khởi	1	Đường 30 tháng 4	Giáp sông Vĩnh Châu	7.000
		2	Đường 30 tháng 4	Cổng Ông Trầm	2.800
		3	Cổng Ông Trầm	Ngã 3 trại giam	1.500
	Hẻm 110	1	Toàn tuyến		400
12	Đồng Khởi nối dài	1	Ngã 3 trại giam	Giáp ranh đất trại giam	400
13	Tỉnh lộ 935	1	Cầu Giồng Dú	Hết đất nhà trọ Thảo Nguyên	1.500
		2	Giáp đất nhà trọ Thảo Nguyên	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1.000
	Hẻm 40	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 188	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 244	1	Toàn tuyến		350
14	Đường Nguyễn Trãi	1	Cầu Vĩnh Châu	Cầu chợ mới	4.000
		2	Cầu Vĩnh Châu	Cổng Ông Trầm	1.100
15	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1	Toàn tuyến		8.000
	Hẻm 35 (Trong Chợ mới)	1	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Mé sông Vĩnh Thành	1.200
16	Đường Lê Hồng Phong	1	Toàn tuyến		8.000
	Hẻm 01	1	Toàn tuyến		500
17	Đường Lê Hồng Phong (nối dài)	1	Đầu ranh đất chợ cũ	Giáp ranh đất Khu thương mại mới xây dựng	5.000
18	Đường số 1	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 8	4.000
		2	Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh đất Công an	3.000
19	Đường số 2	1	Đường 1 tháng 5	Giáp ranh đất Khu Thương mại	3.000
		2	Đường 1 tháng 5	Đường số 1	3.000
20	Đường số 3	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 6	4.000
21	Đường Số 4 (Châu Văn Đơ)	1	Đường 30 tháng 4	Đường Nguyễn Huệ	3.000
	Hẻm 8 (Vào Khu tập thể giáo viên)	1	Toàn tuyến		600



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
22	Đường số 6	1	Toàn tuyến		5.000
23	Đường số 7	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 8	5.000
		2	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 2	3.000
24	Đường số 8	1	Toàn tuyến		5.000
25	Đường Bùi Thị Xuân	1	Đường Trưng Nhị	Đến Lê Lai	5.000
26	Đường Lê Lai	1	Cầu Mậu Thân	Quốc lộ Nam Sông Hậu	5.000
		2	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện lộ 48	2.500
		3	Huyện lộ 48	Đê Biển	2.000
	Hẻm 70 (cặp Ngân hàng Chính sách)	1	Từ đầu hẻm	Hết đất ông Quảng Thanh Cường	800
		2	Đoạn còn lại		700
	Hẻm 85 (vào nhà ông Lâm Hoàng Viên)	1	Từ đầu hẻm	Hết ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	800
		2	Giáp ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	Hết ranh đất ông Trần Văn Thêm	700
		3	Đoạn còn lại		500
	Hẻm 99 (vào nhà ông Trọng)	1	Từ đầu hẻm	Hết ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	800
		2	Giáp ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thanh Liễu	700
	Hẻm 207 (Hẻm 106 cũ)	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 289 (Hẻm Lâm nghiệp cũ)	1	Toàn tuyến		500
	Hẻm 325 (đối diện Đồn 646)	1	Từ đầu hẻm	Hết ranh đất ông Nguyễn Quang	350
		2	Đoạn còn lại		300
	Hẻm 186 (Giồng Giữa)	1	Từ đầu hẻm	Hết ranh đất Trịnh Văn Tó	500
		2	Giáp ranh đất Trịnh Văn Tó	Hết ranh đất ông Tăng Văn Cuối	350
		3	Đoạn còn lại		300
	Hẻm 210	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 258	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 280	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 352 (vào nhà ông Huỳnh Xà Cạn)	1	Từ đầu hẻm	Hết đất Ông Châu Xem Tịch	350
		2	Giáp đất ông Châu Xem Tịch	Hết ranh đất bà Ong Thị Xiếu	300
		3	Đoạn còn lại		250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm 420	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 280	1	Toàn tuyến		250
	Đường trong Khu tái định cư Hải Ngư	1	Toàn tuyến		600
28	Huyện lộ 48 (Giồng Nhãn)	1	Toàn tuyến trong phạm vi Phường 1		1.500
	Hẻm 02	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 18	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 39	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 92	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 118	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 163	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 178	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 197	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 204	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 244	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 261	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 336	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 360	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 376	1	Toàn tuyến		300
29	Đường Lý Thường Kiệt	1	Toàn tuyến		3.000
	Hẻm 16	1	Toàn tuyến		250
	Hẻm 143	1	Toàn tuyến		250
30	Quốc lộ Nam Sông Hậu	1	Toàn tuyến		3.000
	Hẻm 221 (đối diện Làng nường)	1	Toàn tuyến		600
	Hẻm 239	1	Đường Nam Sông Hậu	Huyện lộ 48	850
31	Huyện lộ 41	1	Ngã 3 Giồng Dú	Ranh Phường 2	1.500
32	Đường Giồng Giữa (khu 5)	1	Toàn tuyến		1.000
	Hẻm 14	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 24	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 58	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 76	1	Toàn tuyến		300
	Hẻm 100	1	Toàn tuyến		300
33	Đường Mậu Thân	1	Toàn tuyến		800
	Hẻm 74	1	Toàn tuyến		350
	Hẻm 100 (cặp nhà bà Dợt)	1	Toàn tuyến		360
34	Đường Đinh Tiên Hoàng	1	Toàn tuyến		650
35	Đường đal	1	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn phường		250



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
II	PHƯỜNG 2				
1	Huyện lộ 43	1	Ranh Phường 1	Ranh xã Lạc Hoà	1.000
2	Đường đal mới	1	Giáp Huyện lộ 43	Hết ranh nhà ông Trần Phết	300
3	Đường Trần Hưng Đạo	1	Ranh Phường 1	Đến ngã ba Quốc lộ NSH	3.000
4	Quốc lộ Nam Sông Hậu	1	Ranh Phường 1	Ngã ba Quốc lộ Nam Sông Hậu	3.000
		2	Ranh đất bà Lâm Thị Đa Ri	Đến hết đất ông Kim Vong	1.500
		3	Vị trí còn lại		1.000
5	Huyện lộ 48	1	Toàn tuyến		900
6	Lộ Dol Chêl	1	Toàn tuyến		400
7	Lộ Vĩnh Bình - Giồng Me	1	Toàn tuyến		500
8	Lộ đal Cà Săng Côm	1	Toàn tuyến		400
9	Lộ đal Vĩnh Bình - Vĩnh An (phía Nam lộ Nam Sông Hậu)	1	Toàn tuyến		400
10	Lộ đal Vĩnh Bình - Vĩnh An (phía Bắc lộ Nam Sông Hậu)	1	Toàn tuyến		400
11	Lộ đal Sân Chim - Cà Lăng B	1	Toàn tuyến		400
12	Lộ Giồng Me	1	Toàn tuyến		400
13	Lộ đal Vĩnh Trung	1	Toàn tuyến		400
14	Lộ đal Giồng Nhãn	1	Toàn tuyến		400
15	Lộ đal Đol Chát	1	Toàn tuyến		400
16	Lộ vô chùa Cà Săng	1	Toàn tuyến		500
17	Đường đal	1	Các lộ đal trong phạm vi Phường		250
III	PHƯỜNG VINH PHƯỚC				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	2	Cổng PiPu	Hết ranh đất ông Lâm Sóc	3.000
		1	Giáp ranh đất ông Lâm Sóc	Salatel ấp Xẻo Me (khóm Sờ Tại B)	5.500
		3	Cổng Wathpich	Hết đất Cây xăng Thanh La Hương	2.000
		2	Giáp ranh Phường 1	Cổng Wathpich	3.000
		4	Đoạn còn lại		1.000
2	Huyện lộ 48	1	Ngã ba Biển Dưới	Về phía Tây hết đất bà Trần Thị Luối, phía Đông hết ranh đất HTX Muối	900
		2	Đoạn còn lại		700
3	Đường cổng Wathpich	1	Cổng Wach Pich	Huyện lộ 48	400
4	Lộ đal	1	Giáp ranh Phường 1	Giáp Huyện lộ 48	400

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
5	Tỉnh lộ 936	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu Keo	1.500
		2	Từ Cầu Kè	Cầu Dù Há	800
6	Tỉnh lộ 940	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu 41	800
		2	Cầu 41	Cầu 47	600
		1	Cầu 47	Cầu Chợ Kênh	800
7	Đường Huyện 40	1	Giáp xã Vĩnh Tân	Giáp xã Vĩnh Hiệp	400
8	Đường Nguyễn Huệ	1	Giáp ranh Phường 1	Ngã tư Quốc lộ Nam Sông Hậu	3.500
9	Lộ Phước Tân	1	Đầu ranh đất Trường học Biển Dưới	Giáp ranh giới xã Vĩnh Tân	350
10	Lộ Tà Lét	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện lộ 48	400
11	Lộ Xẻo Me	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện lộ 48	400
12	Hẻm trong chợ Xẻo Me	1	Toàn tuyến		4.600
13	Lộ Đại Trị	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu chợ	5.500
		2	Các đoạn còn lại		1.200
14	Lộ Vĩnh Thành	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Mé sông Vĩnh Thành	1.000
		1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Chợ Vĩnh Thành	1.000
		2	Đoạn còn lại		250
		15	Hẻm cấp Trường DT Nội trú	1	Toàn tuyến
16	Đường đal	1	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn phường		250
IV	PHƯỜNG KHÁNH HÒA				
1	Tỉnh lộ 935	1	Từ đầu ranh đất ông Nguyễn Tư Thuận	Hết ranh đất Trường TH Khánh Hòa 2	1.200
		1	Lộ đal Sóc Ngang	Hết đất nhà ông Nhan Hùng	1.200
		2	Mé sông Mỹ Thanh	Hết đất nhà ông Nguyễn Thanh Hoàng	1.000
		2	Đoạn còn lại		1.000
2	Huyện lộ 41	2	Tỉnh lộ 935	Giáp sông Vĩnh Châu	500
		1	Tỉnh lộ 935	Cầu Bung Tum	800
		2	Cầu Bung Tum	Cầu Lầm Thiệt	500
3	Đường đal	1	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn phường		250
V	XÃ LẠC HÒA				
1	Huyện lộ 43	KV1-VT1	Đầu ranh đất chùa Hải Phước An	Hết ranh đất cây xăng Hữu Cồn	1.500
		KV1-VT2	Từ tim cống về hướng Bắc (lộ đal)	Hết đất Trạm cấp nước (Ca Lạc)	1.000
		KV1-VT2	Từ tim cống về hướng Bắc (lộ đal)	Hết đất bà Lâm Thị Bep (Ca Lạc A)	1.000
		KV1-VT3	Toàn tuyến trong phạm vi xã		700

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Đường Ca Lạc - Lèn Buối	KV2-VT3	Giáp với Huyện lộ 43	Giáp sông Trà Niên	250
3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT2	Toàn tuyến trong phạm vi xã		1.000
4	Lộ Giồng Giữa Đại Bái - Đại Bái A	KV2-VT3	Lộ chùa Đại Bái	Quốc lộ Nam Sông Hậu	250
5	Đường Tăng Du	KV2-VT1	Toàn tuyến		500
6	Đường Ca Lạc Đại Bái	KV2-VT1	Toàn tuyến		500
7	Lộ đal Hoà Nam - Hòa Thành	KV2-VT2	Toàn tuyến		300
8	Lộ đal Ca Lạc A	KV2-VT3	Toàn tuyến (trừ trung tâm chợ)		250
9	Lộ đal Cao Sắn	KV2-VT3	Lộ Ca Lạc Đại Bái	Lộ Tân Du	250
10	Lộ đal Vĩnh Biên	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
11	Lộ Vĩnh Biên, Vĩnh Thành B	KV2-VT3	Giao Âu Thọ B	Giao với lộ Vĩnh Biên Bà Len	250
12	Lộ đal Vĩnh Biên, Vĩnh Thành B	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
13	Lộ đal Vĩnh Biên Ca Lạc A	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
14	Lộ đal Lèn Buối	KV2-VT2	Huyện lộ 43	Hết đất điểm lẻ Trường Tiểu học Lạc Hòa 1	400
15	Đường đal Điền Thầy Ban Lèn Buối	KV2-VT3	Lộ đal Lèn Buối	Sông Trà Niên	250
16	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn xã		250
VI	XÃ VĨNH HẢI				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Chùa Trà Sét	Hết đất Cây xăng Mỹ Hưng	1.500
		KV1-VT2	Đầu đất Trường TH Vĩnh Hải 4	Cầu Mỹ Thanh 2	1.200
		KV1-VT3	Toàn tuyến còn lại trong phạm vi xã		1.000
2	Huyện lộ 43	KV1-VT1	Đầu đất nhà ông Huỳnh Mến	Cổng cầu ngang	700
		KV1-VT2	Toàn tuyến		600
3	Lộ Bà Len	KV2-VT1	Từ ngã tư chợ Vĩnh Hải về hướng Bắc đến ngã 3 Huyện lộ 43, hướng Nam đến lộ đal khu An Lạc		600
4	Lộ đal Âu Thọ A	KV2-VT2	Toàn tuyến		400
5	Lộ đal Âu Thọ B	KV2-VT2	Toàn tuyến		400
6	Lộ vào Khu du lịch Hồ Bể	KV2-VT1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Hết đất bà Lý Thị Vuông	500
		KV2-VT2	Giáp đất bà Lý Thị Vuông	Hồ Bể	300
7	Tỉnh lộ 113 (cũ)	KV2-VT1	Toàn tuyến		600
8	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn xã		250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
9	Đường lộ đal khu tái định cư khu 1	KV2-VT2	Toàn tuyến		300
10	Đường lộ đal khu tái định cư khu 2	KV2-VT2	Toàn tuyến		300
VII	XÃ HOÀ ĐÔNG				
1	Trung tâm xã Hòa Đông	KV1-VT1	Từ ngã ba chợ Hòa Đông về hướng Nam đến hết đất UBND xã, hướng Tây đến hết đất ông Quách Suôi, hướng Đông đến hết đất cây xăng ông Kiệt		1.000
2	Huyện lộ 41	KV2-VT1	Toàn tuyến (trừ trung tâm chợ)		600
3	Lộ đal Cảng Buôi	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Lâm Phú Lượng	Hết ranh đất ông Trương Văn Quئن	250
		KV2-VT1	Giáp ranh đất ông Trương Văn Quئن	Hết ranh đất ông Tăng Văn Súa	600
		KV2-VT3	Các đoạn còn lại		250
4	Lộ đal Trà Teo Thạch Sao	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Thái Văn Dũng	Hết ranh đất ông Tô Văn Hái	500
		KV2-VT3	Các đoạn còn lại		250
5	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn xã		250
VIII	XÃ VĨNH TÂN				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Tìm cầu Vĩnh Tân dọc theo lộ về hướng Đông hết đất bà Sơn Thị Phên, hướng Tây hết đất ông Thạch Chi		1.200
		KV1-VT2	Còn lại		1.000
2	Huyện lộ 48	KV1-VT3	Toàn tuyến còn lại (trừ trung tâm ngã tư)		750
		KV1-VT2	Đầu ranh đất ông Sơn Sinh	Hết ranh đất bà Sơn Thị Uôi	900
3	Đường Huyện 47B	KV2-VT1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện lộ 48	500
		KV2-VT1	Huyện lộ 48	Đê biển	500
4	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn xã		250
IX	XÃ LAI HOÀ				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Cổng Lai Hoà về hướng Đông đến hết cổng Xẻo Cốc, hướng Tây đến hết đất ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương		2.800
		KV1-VT2	Đầu ranh đất ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	2.100
		KV1-VT3	Toàn tuyến còn lại		1.500

ÔNG NH

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Huyện lộ 48	KV1-VT1	Ngã ba Preychóp B, hướng Đông đến hết ranh đất Trần Lưu và Sơn Thị Sà Phươl, hướng Tây đến giáp ranh tỉnh Bạc Liêu, hướng Bắc đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hoài		1.300
		KV2-VT2	Toàn tuyến trong phạm vi xã		700
4	Đường Huyện 47C	KV1-VT2	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Hết ranh đất ông Thạch Váth	1.000
		KV1-VT2	Từ ngã ba chợ Prey Chóp về hướng Đông hết đất Trường Tiểu học Lai Hoà 5 và hết đất ông 5 Chua, hướng Tây hết đất ông Đào Hên và hết đất ông Thạch Khêl, hướng Nam hết đất VLXD ông Nguyễn Văn Hoài, hướng Bắc đến giáp Cống Chử U (Kênh KN2)		1.000
		KV1-VT3	Toàn tuyến còn lại (Trừ các tuyến trong trung tâm)		650
5	Lộ Prey Chop (Hòa Hiệp Đoạn Trong)	KV2-VT3	Lộ Prey Chop	Lộ đal Xung Thum	300
6	Lộ chùa Prey Chopra đê biển	KV2-VT3	Đê biển	Giáp Huyện lộ 48	300
7	Lộ Prey Chop Xung Thum B	KV2-VT3	Đê biển	Giáp Huyện lộ 48	300
8	Lộ Năm căn	KV2-VT3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Đê sông Mỹ Thanh	500
9	Lộ đal Tà Bôn	KV2-VT2	Toàn tuyến		800
10	Lộ đal Xung Thum A	KV2-VT2	Ngã 3 Xung Thum A về hướng Đông đến hết ranh Chùa Xung Thum, hướng Tây hết đất bà Phan Thúy Mừng, hướng Bắc đến hết đất ông Quách Thăng và Miếu Bà		800
11	Lộ Xum Thum (Hòa Hiệp Đoạn Trong)	KV2-VT3	Lộ đal Xung Thum A (từ ranh đất ông Sơn Nem)	Lộ đal Xung Thum A (hết ranh đất nhà ông Phan Văn Ổ)	300
12	Lộ đal Khu 5 Lai Hòa	KV2-VT2	Toàn tuyến		800
13	Các tuyến lộ đal còn lại	KV2-VT3	Trong phạm vi toàn xã		300
14	Bắc Trà Niên 40 (Phía Bắc)	KV2-VT3	Kênh 7 Túc	Kênh Năm Căn - Lai Hòa	250
15	Đường kênh Mười Non	KV2-VT3	Bắc Trà Niên 40	Đường Huyện 40 (Đê sông)	250
16	Đường Bò Kện	KV2-VT3	Kênh 7 Túc	Kênh Năm Căn	250
17	Đường Năm Căn	KV2-VT3	Kênh 7 Túc	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	250
18	Lộ đal Năm Căn - giáp ranh Bạc Liêu	KV2-VT3	Đường Huyện 40 (Đê sông)	Kênh Lung Giá	250
X XÃ VĨNH HIỆP					
1	Đường Tỉnh 936 (bờ Tây)	KV2-VT1	Cầu Dù Há	Hết ranh đất Phạm Kiều (Đầu Voi)	650
2	Đường Tỉnh 936 (bờ Đông)	KV2-VT1	Cầu Dù Há	Hết ranh đất ông Trương Văn Thơ	650
3	Đường Tỉnh 936 (bờ Đông)	KV2-VT2	Giáp ranh đất ông Trương Văn Thơ	Hết ranh đất Phạm Kiều (Đầu Voi)	500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
4	Đường Huyện 46A	KV2-VT2	ĐT 936	Cầu Tân Lập	500
5	Đường Huyện 46A	KV2-VT3	Cầu Tân Lập	Giáp sông Trà Nho	250
6	Đường Huyện 46B	KV2-VT3	Đường Huyện 42	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	250
7	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	KV2-VT3	ĐT 936	Cổng Trà Nho	250
8	Đường Huyện 42	KV2-VT3	Đường Huyện 46B	Giáp sông Trà Nho	250
9	Đường Tân Lập B	KV2-VT3	Cầu Tân Lập	Đường Huyện 46B	250
10	Đường từ Tân Lập đến Vĩnh Phước	KV2-VT3	Cầu kênh 40	Giáp Khóm Wáth Pích (Vĩnh Phước)	250
11	Đường từ cầu số 2 đến nhà ông 6 Mãnh	KV2-VT3	Đường Huyện 46A	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	250
12	Đường Tân Lập - Tân Thành B	KV2-VT3	Đường Tân Lập B	Giáp khóm Vinh Thành (Vĩnh Phước)	250
13	Đường từ nhà bà Tàu Nhiều ra đê cấp 1	KV2-VT3	Đầu ranh đất bà Tàu Nhiều	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	250
14	Đường Xóm Lương	KV2-VT3	Đường Huyện 46A	Giáp sông Trà Niên	250
15	Đường cặp kênh Phạm Kiểu	KV2-VT3	Cầu Kênh Sườn	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	250
16	Đường cặp kênh Phạm Kiểu - Tân Hưng	KV2-VT3	Đầu ranh đất bà Kiêm	Đường cặp kênh Phạm Kiểu	250
17	Đường cặp kênh Sườn (lộ Tân Hưng)	KV2-VT3	Cổng kênh Sườn	Đường huyện 46B	250
18	Đường cặp kênh Tân Lập - Tân Tĩnh	KV2-VT3	Đường Huyện 46B	Cổng Trà Nho	250
19	Đường cặp kênh thầy Tám	KV2-VT3	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1) - Nhà sinh hoạt cộng đồng	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1) - nhà ông Năm Đồi	250
20	Đường Chài Chiêm	KV2-VT3	Đường Tân Lập - Tân Thành B	Sông Trà Nho	250
21	Đường Lai Sào	KV2-VT3	Đường Tân Lập - Tân Thành B	Nhà ông Hạnh	250
22	Đường Tân Thành A - Đặng Văn Đông	KV2-VT3	ĐT 936	Đường từ Tân Lập đến Vĩnh Phước	250
23	Đường cặp kênh 2 An	KV2-VT3	Đường Tân Hưng (đầu đất ông Bảy Chia)	Đường cặp kênh Sườn (Lộ Tân Hưng)	250
24	Đường cặp kênh Đặng Văn Đông	KV2-VT3	Đường huyện 46B	Đường Xóm Lương	250
25	Đường từ nhà ông Gốc đến đê cấp 1	KV2-VT3	Nhà ông Gốc	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
26	Đường Tân Hưng	KV2-VT3	Đường Huyện 46A	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	250
27	Đường Xóm mới	KV2-VT3	Đường Tân Lập - Tân Thành B	Giáp sông Trà Niên	250
28	Đường đal vào Trạm Y tế	KV2-VT3	Cầu qua Trường THCS Vĩnh Hiệp	Trạm Y tế	250
29	Đường đal vào Trường Mầm Non	KV2-VT3	Đường huyện 46A (UBND xã cũ)	Hết đất Trường Mầm Non Vĩnh Hiệp	250
30	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến đường đal trong phạm vi toàn xã		250
D	HUYỆN CHÂU THÀNH				
I	THỊ TRẤN CHÂU THÀNH				
1	Quốc lộ 1A	3	Ranh xã Hồ Đắc Kiện	Hết ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (hết thửa số 669, tờ bản đồ số 8)	1.800
		1	Giáp ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (giáp thửa.số 669, tờ bản đồ số 8)	Hết ranh đất Ngân hàng Sacombank (UBND thị trấn cũ)	3.900
		2	Giáp ranh đất Ngân hàng Sacombank (UBND thị trấn cũ)	Giáp ranh xã Thuận Hòa	2.000
2	Đường hai bên nhà lồng chợ	1	Toàn tuyến		5.800
3	Các đường khác khu vực chợ	1	Toàn tuyến		4.900
4	Đường Tỉnh 939B	1	Từ cầu chợ Thuận Hoà	Hết ranh đất Cây xăng Quang Minh (hết thửa số 1228, tờ bản đồ số 01)	1.300
		2	Giáp ranh đất Cây xăng Quang Minh (giáp thửa số 1228, tờ bản đồ số 01)	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1.000
5	Đường Trần Phú	1	Từ giáp Quốc lộ 1A	Hết ranh đất nhà trọ Út Nhỏ (hết thửa số 1334, tờ bản đồ số 02)	3.500
		2	Giáp ranh đất nhà trọ Út Nhỏ (giáp thửa số 1334, tờ bản đồ số 02)	Đường Trần Hưng Đạo	1.500
6	Đường Huyện 5 (đường Huyện 94)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Xây Cáp	800
		2	Cầu Xây Cáp	Cầu 30/4	550

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
7	Khu tái định cư Xây Đá	1	Khu tái định cư Xây Đá đã đầu tư cơ sở hạ tầng		1.300
		2	Vị trí tiếp giáp khu tái định cư chưa đầu tư cơ sở hạ tầng		850
8	Khu tái định cư Thuận Hòa	1	Các đường khác trong khu tái định cư		1.900
		2	Các vị trí tiếp giáp khu tái định cư		1.200
9	Đường Hùng Vương	1	Giáp Quốc lộ 1A	Đường Phạm Ngũ Lão	4.000
		2	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Trần Hưng Đạo	3.500
10	Đường Trần Hưng Đạo	1	Toàn tuyến		1.800
11	Đường Lý Thường Kiệt	1	Toàn tuyến		900
12	Tuyến đê bao Thuận Hòa (đường Huyện 93)	1	Đường ĐT 939 B	Cổng Ông Minh	800
		2	Cổng Ông Minh	Giáp ranh xã Thuận Hòa	600
		3	Cổng Thuận Hoà	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kịch	430
13	Đường Bạch Đằng (đường kênh Hậu cũ)	3	Đường đal Xây Cáp	Giáp ranh xã Thuận Hòa	350
		1	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Ngân hàng Sacombank	450
		2	Giáp ranh đất Ngân hàng Sacombank	Đường đal Xây Cáp	360
14	Lộ đal	1	Các đoạn đường trong phạm vi quy hoạch Khu hành chính đô thị thị trấn Châu Thành		320
		1	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Trà Quýt	Hết ranh đất bà Kiều Anh (hết thửa số 271, tờ bản đồ số 01)	250
		1	Cổng ông Ưống	Cầu ranh xã Thuận Hoà	280
		1	Đầu ranh đất bà Châu Thị Nguyệt (đầu ranh thửa số 246, tờ bản đồ số 03)	Giáp đê bao	250
		1	Đầu ranh đất bà Châu Thị Nguyệt (đầu ranh thửa số 246, tờ bản đồ số 03)	Cổng Thuận Hoà	250
		1	Đường Xây Cáp (toàn tuyến)		300
15	Lộ đal	1	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Cầu Xây Cáp	310

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất	
			Từ	Đến		
16	Đường đất	1	Cổng Thuận Hoà	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien	250	
		1	Đầu ranh đất ông Đăng (thửa số 2324, tờ bản đồ số 05)	Kênh 30/4	250	
		1	Đầu ranh đất Trịnh Thị Tý (thửa số 37, tờ bản đồ số 01)	Hết ranh đất Công an huyện	250	
		1	Đầu ranh đất ông Xiêm (thửa số 651, tờ bản đồ số 08)	Kênh Mai Thanh	250	
		1	Đầu ranh đất ông Đường (thửa số 1228, tờ bản đồ số 01)	Giáp ranh đất Công an huyện	250	
		1	Đầu ranh đất ông Trần Văn Nhứt (thửa số 311, tờ bản đồ số 03)	Hết ranh đất bà Thị Tiên (thửa số 40, tờ bản đồ số 03)	250	
		1	Kênh Mai Thanh (toàn tuyến)			250
		1	Kênh Lò gạch hai bên (toàn tuyến)			250
		1	Kênh Hai Long hai bên (toàn tuyến)			250
		1	Kênh 30/4 (toàn tuyến)			250
		1	Rạch Xây Cáp hai bên (toàn tuyến)			250
		1	Kênh 6 Sếp (toàn tuyến)			250
		1	Kênh giáp ranh xã Thuận Hòa ấp Trà Quýt (toàn tuyến)			250
		1	Kênh ông Minh (toàn tuyến)			250
		1	Kênh 2 Cọi (toàn tuyến)			250
		1	Kênh 2 Hiến (toàn tuyến)			250
		1	Rạch Sáu Siêng (toàn tuyến)			250
		1	Kênh hậu dọc đường Thuận Hòa - Phú Tâm			250
		1	Sau Trường Mẫu giáo cặp kênh Huyện lộ 5 hết đất ông Đăng (thửa số 2324, tờ bản đồ số 05)			250
17	Đường giao thông nông thôn	1	Tòa án huyện	Kênh hậu Huyện lộ 5	300	
18	Lộ đal nối khu vực chợ với khu tái định cư	1	Toàn tuyến		320	
19	Đường nhựa vị trí tiếp giáp khu vực chợ	1	Toàn tuyến		1.500	
20	Đường A4 (vào UBND thị trấn mới)	1	Toàn tuyến		1.000	
21	Đường giao thông nông thôn	1	Các tuyến đường bê tông, đường đal còn lại		250	
II	XÃ THUẬN HÒA					
1	Quốc lộ 1A	KV1-VT1	Toàn tuyến		1.100	
2	Đường Tỉnh 939B (TL14)	KV1-VT2	Toàn tuyến		600	
3	Đường vào Trại giống	KV1-VT3	Toàn tuyến		350	
4	Đường vào khu hành chính	KV1-VT3	Toàn tuyến		350	

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
5	Tuyến đê bao Thuận Hoà (đường Huyện 93)	KV2-VT1	Giáp ranh thị trấn Châu Thành	Hết ranh đất Chùa Cũ	400
		KV2-VT2	Giáp ranh Chùa Cũ	Giáp ranh xã An Hiệp	300
6	Lộ bao quanh khu hành chính xã	KV2-VT2	Giáp đường vào khu hành chính	Hết đất Trường Tiểu học Thuận Hòa B	400
		KV2-VT3	Tuyến còn lại		250
7	Lộ đal Ba Sâu	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
8	Lộ đal Cống 2	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
9	Lộ đal 6 A1	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
10	Lộ đal kênh 85, ấp Trà Canh	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
11	Lộ đal kênh ông Ướng	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
12	Lộ đal Tư Lung - Bảy Trang	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
13	Lộ đal kênh Trà Tép	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
14	Lộ đal Kênh 6 Nghĩa Địa - Rạch Hàn Bần	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
15	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến đường đal còn lại		250
III	XÃ AN HIỆP				
1	Quốc lộ 1A	KV1-VT1	Ranh xã Thuận Hoà	Hết ranh đất cây xăng Mỹ Trân	1.100
		KV1-VT1	Giáp ranh đất cây xăng Mỹ Trân	Hết cống (hết đất nhà Lý Sà Nen)	1.500
		ĐB	Giáp cống (giáp đất nhà Lý Sà Nen)	Hết ranh đất kho Công ty Cổ phần TMDL Sóc Trăng	2.600
		ĐB	Giáp ranh đất kho Công ty Cổ phần TMDL Sóc Trăng	Giáp ranh thành phố Sóc Trăng	2.500
2	Đường Tỉnh 932	KV1-VT1	Ngã ba An Trạch	Giáp đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A	1.500
		KV1-VT2	Giáp đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A	Giáp ranh xã Phú Tân	1.200
3	Đường Tỉnh 932 nối dài	KV1-VT1	Giáp Quốc Lộ 1A	Cầu đi Giồng Chùa A	1.300
		KV1-VT2	Cầu đi Giồng Chùa A	Hết ranh đất ông Hoàng (thửa số 826, tờ bản đồ số 05)	900
		KV2-VT1	Giáp ranh đất ông Hoàng (thửa số 826, tờ bản đồ số 05)	Hết đất Chùa PengSomRach	600
		KV2-VT2	Giáp Chùa PengSomRach	Cầu Bung Tróp	450
		KV1-VT3	Cầu Bung Tróp A	Giáp đường vào chợ Bung Tróp (đi An Ninh)	600
		KV2-VT3	Giáp đường vào chợ Bung Tróp (đi An Ninh)	Giáp ranh xã An Ninh	340
4	Đường Sóc Vồ	KV1-VT2	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã An Ninh	400



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
5	Tuyến tránh Quốc lộ 60	KV1-VT1	Toàn tuyến		1.500
6	Tuyến đê bao (đường Huyện 93)	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
7	Chợ An Trạch	KV1-VT1	Hai bên và dãy dưới nhà lồng chợ		1.500
8	Các hẻm khu vực chợ An Trạch	KV2-VT3	Toàn khu		260
9	Đường vào chợ Bung Tróp A	KV2-VT3	Toàn tuyến (từ giáp đường huyện đi An Ninh vào chợ và đoạn từ qua cầu Bung Tróp A vào chợ)		250
10	Khu vực chợ Bung Tróp A	KV2-VT3	Toàn khu		250
11	Đường đal	KV2-VT3	Cầu Bung Tróp	Hết đất Chùa Bung Tróp	250
		KV2-VT3	Sau chùa PengsomRach	Cầu ống Lonl	250
		KV2-VT3	Cầu ống Lonl	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	250
		KV2-VT3	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	Hết đất Trường Mẫu giáo An Tập	250
		KV2-VT3	Sau chùa PengsomRach		250
		KV2-VT3	Các tuyến còn lại		250
12	Khu tái định cư	KV2-VT1	Toàn khu		600
13	Đường vào khu tái định cư	KV1-VT3	Toàn tuyến		700
14	Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp qua khu tái định cư	KV2-VT1	Toàn tuyến		600
15	Đường liên xã Thiện Mỹ - An Hiệp (đường Huyện 90)	KV2-VT2	Đầu đường	Cầu An Hiệp B	400
		KV2-VT3	Cầu An Hiệp B	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	300
16	Đường đal ấp An Trạch (Hẻm 3)	KV2-VT3	Từ Đường 932	Kênh Thủy lợi	250
17	Đường đal ấp An Trạch (Hẻm 4)	KV2-VT3	Từ Đường 932	Kênh Thủy lợi	250
18	Đường đal	KV2-VT2	Quốc lộ 1A	Kênh Thủy lợi	400
19	Hẻm 2 ấp Phụng Hiệp (Hẻm nhà trọ Tường Vy cũ)	KV1-VT3	Toàn tuyến		750
IV	XÃ PHÚ TÂM				
1	Đường Tỉnh 932	ĐB	Từ cầu Phú Tâm	Hẻm Trạm Y tế	2.700
		KV1-VT2	Hẻm Trạm Y tế	Kênh ống Bọng	1.000
		KV1-VT3	Kênh ống Bọng	Giáp ranh huyện Kế Sách	800
2	Đường hai bên nhà lồng chợ	ĐB	Đường hai bên nhà lồng chợ		3.500
		KV2-VT1	Hẻm Công Lập Thành	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo	600
		KV2-VT2	Giáp ranh đất Trường Mẫu giáo	Hết ranh đất ông Lâm Minh Tài (thửa số 231, tờ bản đồ số 11)	500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
3	Đường Huyện 5 (đường Huyện 94)	KV2-VT2	Đường ĐT 932	Cầu Bà Ngẫu	600
		KV2-VT3	Đoạn còn lại		350
4	Đường giao thông nông thôn	KV1-VT3	Hẻm khu 2 của ấp Phú Bình		350
		KV2-VT2	Đầu ranh đất Trường Hoa	Cầu nhà thầy Sinh	300
		KV2-VT2	Giáp đường Tỉnh 932 (cấp vật liệu xây dựng Tân Phong)	Kênh Vành Đai	300
		KV2-VT2	Giáp đường Tỉnh 932 (cấp trụ sở ấp Thọ Hòa Đông)	Kênh Vành Đai	300
		KV2-VT2	Giáp đường Tỉnh 932 (cấp nhà Sơn Hậu)	Kênh Vành Đai	300
		KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Dương Hải Sui (thửa số 26, tờ bản đồ số 11)	Hết ranh đất ông Lâm Hữu Minh (thửa số 34, tờ bản đồ số 04)	250
		KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Lâm Anh Tài (thửa số 897, tờ bản đồ số 08)	Kênh bà Phải	250
		KV2-VT3	Giáp đường Tỉnh 932	Hết đường đal Phú Thành A	250
		KV2-VT3	Giáp ranh đất Trường Hoa	Cầu Lương Sơn Bá	250
		KV2-VT3	Giáp đường Huyện 5	Hết ranh đất Tô Yều Cam (thửa số 60, tờ bản đồ số 10)	250
		KV2-VT3	Các hẻm ximăng còn lại		250
5	Đường đal	KV2-VT3	Cầu Bảy Quýt	Mỏ neo (giáp huyện Kế Sách)	350
		KV2-VT3	Cầu Bảy Quýt	Giáp huyện Kế Sách (hết đất ông Hai Thà)	350
		KV2-VT3	Cầu Bảy Quýt	Kênh 30/4	350
		KV2-VT3	Kênh 30/4	Hết ranh nghĩa trang cũ	300
		KV1-VT1	Đường Tỉnh 932	Cầu Chùa	700
		KV1-VT2	Cầu Chùa	Hết ranh đất thửa số 02, tờ bản đồ số 26 (nhà ông Châu Ngọc Sang)	400
		KV2-VT3	Cầu Bảy Quýt	Cầu Na Tung	300
6	Đường giao thông nông thôn	KV2-VT3	Các tuyến đường bê tông, đường đal còn lại		250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
V	XÃ AN NINH				
1	Đường Tỉnh 938	KV1-VT2	Giáp ranh thành phố Sóc Trăng	Cua Xà Lan (hết ranh thửa 422, tờ bản đồ số 07)	600
		KV1-VT3	Cua Xà Lan (giáp ranh thửa 422, tờ bản đồ số 07)	Cầu Chùa	550
		KV1-VT3	Giáp ranh Cầu Chùa	Đường tỉnh 932 (đường đi Chông Nô cũ)	600
		KV1-VT1	ĐT 932 (đường đi Chông Nô cũ)	Hết ranh đất Trường Tiểu học An Ninh D	800
		KV1-VT2	Giáp ranh đất Trường Tiểu học An Ninh D	Cầu Trắng	600
2	Đường Tỉnh 939	KV1-VT1	Cầu Trắng	Hết ranh đất nhà máy ông Ba Chiến (thửa số 1521, tờ bản đồ số 04)	1.200
		KV1-VT2	Giáp ranh đất nhà máy ông Ba Chiến (thửa số 1521, tờ bản đồ số 04)	Cổng Kênh Mới	400
		KV1-VT3	Cổng Kênh Mới	Giáp ranh xã Mỹ Hương	350
3	Đường Tỉnh 932 nối dài (đường đi Chông Nô cũ)	KV2-VT2	Đường Tỉnh 938	Cầu kênh 76	300
		KV2-VT3	Cầu kênh 76	Bưng Chóp	250
4	Hèm Chợ	KV1-VT1	Đầu ranh đất Bà Lếng (đầu thửa số 1176, tờ bản đồ số 06)	Hết ranh đất bà Nguyên (thửa số 1195, tờ bản đồ số 06)	1.200
		KV1-VT2	Đầu ranh đất Bà Dân (thửa số 1178, tờ bản đồ số 06)	Hết ranh đất ông Xe (thửa số 1226, tờ bản đồ số 06)	1.000
5	Các hèm trung tâm xã	KV1-VT2	Các hèm nhựa thuộc Ấp Châu Thành		450
		KV1-VT1	Hai bên nhà lồng chợ cũ		900
		KV1-VT3	Đường sân bóng cũ		300
6	Hèm ấp Châu Thành	KV2-VT2	Các hèm xóm 1, 2, 3, 4 thuộc ấp Châu Thành		300
7	Đường Sóc Vồ	KV2-VT1	Bia truyền thống	Giáp ranh xã An Hiệp	350
8	Hèm khu vực Sóc Vồ	KV2-VT3	Các hèm		250
9	Đường đal	KV2-VT3	Lộ đal Xà Lan		250
10	Đường giao thông nông thôn	KV2-VT3	Các tuyến đường bê tông, đường đal còn lại		250
VI	XÃ THIÊN MỸ				
1	Đường Tỉnh 939 B (Đường Tỉnh 14)	KV1-VT1	Đầu đất UBND xã Thiên Mỹ	Cầu xã Thiên Mỹ	2.100
		KV1-VT3	Giáp đất UBND xã Thiên Mỹ	Giáp ranh xã Thuận Hoà	850
		KV1-VT2	Cầu xã Thiên Mỹ	Hết ranh đất quán Café Thanh Trúc (thửa số 497, tờ bản đồ số 03)	1.950

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
		KV2-VT1	Giáp ranh đất quán Café Thanh Trúc (thửa số 497, tờ bản đồ số 03)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	500
2	Đường liên xã Thiện Mỹ - An Hiệp	KV1-VT1	Giáp Tỉnh lộ 939 B	Hết ranh đất nhà ông Trần Quốc Phong (thửa số 600, tờ bản đồ số 01)	500
		KV1-VT2	Giáp ranh đất nhà ông Trần Quốc Phong (thửa số 600, tờ bản đồ số 01)	Giáp ranh xã An Hiệp	300
3	Lộ đal	KV2-VT2	Cầu UBND xã	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	250
		KV2-VT2	Ngã tư Chùa	Hết ranh đất ông Lương Văn Cam (thửa số 789, tờ bản đồ số 02)	500
		KV2-VT2	Ngã tư Chùa	Hết ranh đất Trường THCS Thiện Mỹ	500
		KV2-VT3	Ranh xã Hồ Đắc Kiện	Giáp ranh huyện Mỹ Tú	300
	Lộ đal (giáp kênh Tăng Phước)	KV2-VT3	Ngã tư Chùa	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	300
	Lộ đal (giáp kênh Ba Rinh, phía nhà thờ)	KV2-VT3	Ranh Mỹ Tú	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	300
4	Lộ đal ấp An Tập (giáp ranh An Hiệp)	KV2-VT3	Giáp đường liên xã Thiện Mỹ - An Hiệp	Giáp ấp Mỹ An	250
5	Khu vực nhà lồng chợ	KV1-VT1	Dãy hai bên nhà lồng chợ		2.000
		KV1-VT2	Dãy phía sau nhà lồng chợ		1.800
6	Các hẻm xung quanh khu vực chợ	KV2-VT1	Toàn tuyến		800
7	Đường giao thông nông thôn	KV2-VT3	Các tuyến đường bê tông, đường đal còn lại		250
VII	XÃ HỒ ĐẮC KIỆN				
1	Quốc lộ 1A	KV1-VT1	Ranh thị trấn Châu Thành	Hết ranh đất nhà máy Tuyết Phương	1.500
		KV1-VT2	Giáp ranh đất nhà máy Tuyết Phương	Hết ranh đất cây xăng Dư Hoài	1.400
		KV1-VT1	Giáp ranh đất cây xăng Dư Hoài	Giáp ranh xã Đại Hải	1.500
2	Lộ đal trung tâm xã	KV2-VT1	Cầu Hai Sung	Cầu Kênh Gòn	350
		KV2-VT2	Đầu ranh đất Tám Quốc (đầu bờ kè)	Cầu Kênh Gòn	350
		KV1-VT3	Cầu Kênh Gòn đi Thiện Mỹ	Hết đoạn bờ kè	500
		KV1-VT1	Cầu Kênh Gòn	Hết ranh đất UBND xã	1.000
		KV1-VT2	Chợ xã: Cầu kênh Gòn	Hết bờ kè Kênh Gòn	900

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
3	Tuyến đê bao (đường Huyện 93)	KV2-VT2	Toàn tuyến		300
4	Lộ đal	KV2-VT3	Cổng chùa mới	Cầu 2 Sung	250
		KV2-VT3	Toàn tuyến kinh cũ ấp Đắc Lực, Đắc Thời, Đắc Thế		250
		KV2-VT3	Lộ đal kênh Xây Đạo		250
		KV2-VT3	Hết bờ kè kinh Gòn	Đê bao phân trường	250
		KV2-VT3	Đi Thiện Mỹ: hết bờ kè	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	250
		KV2-VT3	Hết bờ kè ấp Đắc Lực	Giáp ranh xã Đại Hải	300
		KV2-VT3	Lộ đồng Kinh Cũ ấp Đắc Lực		300
		KV2-VT3	Bờ bao Phân trường lộ đal 3m		320
5	Lộ đal kênh Ba Rinh mới	KV2-VT3	Giáp đường Huyện 92	Cầu Chín Hữu	300
6	Lộ đal	KV2-VT3	Cầu Dân Trí	Giáp ranh huyện Mỹ Tú	300
7	Lộ đal ấp Kênh Ba Rinh mới ấp Đắc Thắng giáp ranh xã Thiện Mỹ	KV2-VT3	Toàn tuyến		300
8	Tuyến lộ trên kênh Phú Cường	KV2-VT3	Giáp Quốc lộ 1A	Đến kênh thứ Nhất	350
9	Đường Huyện 92	KV2-VT1	Giáp thị trấn Châu Thành	Cầu Trạm Y tế xã	500
		KV2-VT2	Cầu trạm Y Tế xã	Cầu qua UBND xã	700
		KV2-VT1	Đầu ranh đất Trường Mầm Non Hồ Đắc Kiện	Giáp đê bao Phân trường Phú Lợi	500
10	Đường giao thông nông thôn	KV2-VT3	Các tuyến đường bê tông, đường đal còn lại		250
VIII	XÃ PHÚ TÂN				
1	Đường Tỉnh 932 (đường Tỉnh 1 cũ)	KV1-VT3	Giáp ranh xã An Hiệp	Cầu 30/4	800
		KV1-VT2	Cầu 30/4	Hết đất Tịnh xá Ngọc Tâm	1.100
		KV1-VT1	Giáp đất Tịnh xá Ngọc Tâm	Giáp ranh xã Phú Tâm	2.100
2	Lộ Giếng Tiên	KV2-VT2	Đường Tỉnh 932	Cổng vào Giếng Tiên	500
3	Đường đal	KV2-VT2	Xóm rẫy		270
		KV2-VT2	Chùa Bốn mặt		270
		KV2-VT2	Hèm ấp văn hoá Phước An		330
		KV2-VT2	Đường Trọt Trà ÉT		250
		KV2-VT2	Tất cả các đường đal ấp Phước Lợi		300
		KV2-VT2	Đường vào chùa Bà		330
		KV2-VT2	Đường vào Đình Phước Hưng		330
		KV2-VT2	Toàn tuyến cặp kênh 30/4		300
		KV2-VT3	Các đường đal ấp Phước Hòa, Phước An, Phước Thuận		250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
		KV2-VT1	Hẻm trực chính ấp Phước Lợi		430
		KV2-VT1	Cầu 30/4	Hết ranh đất ông Hoàng	450
		KV1-VT3	Giáp ranh đất ông Hoàng	Chùa ChamPa	350
		KV2-VT1	Hẻm chính chùa ChamPa	Hết ranh đất Bà Hạnh	420
		KV2-VT3	Các tuyến đường bê tông, đường đal còn lại		250
4	Đường nhựa	KV2-VT2	Tuyến trực chính xã Phú Tân		400
5	Tuyến tránh Quốc lộ 60	KV1-VT1	Toàn tuyến		1.200
E	HUYỆN MỸ TÚ				
I	THỊ TRẤN HUỖNH HỮU NGHĨA				
1	Trần Hưng Đạo	7	Ranh xã Long Hưng	Kênh 3 Vọi	500
		6	Kênh 3 Vọi	Hết ranh đất nhà 6 Cao	1.000
		4	Giáp ranh đất nhà 6 Cao	Kênh Ông Quân	1.500
		4	Kênh Ông Quân	Đập Chín Lòi	1.500
		2	Đập Chín Lòi	Hết ranh đất UBND thị trấn	3.500
		1	Giáp ranh đất UBND thị trấn	Cầu 3 Thắng	5.500
		3	Cầu 3 Thắng	Đập 6 Giúp	2.000
		5	Đập 6 Giúp	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1.000
2	Đường Phạm Ngũ Lão	1	Toàn tuyến		3.000
3	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1	Toàn tuyến		3.000
4	Đường Lý Thường Kiệt	1	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất nhà bà Bé	2.000
5	Đường Hùng Vương	3	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Phú	3.500
		1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Quang Trung (ĐT 940)	6.500
		2	Đường Quang Trung (ĐT 940)	Cầu 1/5 (Huyện đội)	4.000
6	Đường Lê Thánh Tông và Lê Thánh Tông kéo dài	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương và Đường Quang Trung	3.000
7	Đường Ngô Quyền	1	Cầu 3 Thắng	Cầu Đê Mỹ Phước	2.600
8	Đường F12	1	Cầu 3 Thắng	Nhà lồng chợ mới	2.000
9	Đường Huyện 84	1	Cầu 1/5 (huyện đội)	Hết đất cây xăng ông Đồi	1.000
		2	Giáp đất cây xăng ông Đồi	Cầu Béc Trang	500
		3	Cầu Béc Trang	Giáp ranh xã Mỹ Tú	400
10	Đường Võ Thị Sáu	1	Cầu Bệnh Viện	Đê Bé Bùi	500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
11	Đường Trần Phú	3	Ranh xã Long Hưng	Cầu nhà trẻ	700
		1	Cầu nhà trẻ	Cầu bệnh viện	3.500
		2	Cầu Bệnh viện	Kênh Út Biện	1.000
		4	Kênh Út Biện	Ranh xã Mỹ Tú	500
12	Đường Đồng Khởi	1	Cầu nhà trẻ	Ranh xã Mỹ Hương	800
13	Đường 3 tháng 2	1	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	2.500
14	Đường 30 tháng 4	1	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1.500
15	Đường Huỳnh Văn Triệu	1	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1.200
16	Đường Lý Tự Trọng	1	Đường 3 tháng 2	Đường 30 tháng 4	2.000
17	Đường Quang Trung (đường Tỉnh 940)	5	Ranh xã Long Hưng	Cầu Sáu Xôi	1.600
		2	Cầu Sáu Xôi	Kênh hậu Huyện đội	4.500
		1	Kênh hậu Huyện Đội	Cầu đê Mỹ Phước	6.500
		3	Cầu đê Mỹ Phước	Hết ranh đất bà Hân	5.000
		4	Giáp ranh đất bà Hân	Ranh xã Mỹ Tú (Cầu số 1)	2.200
18	Đường Điện Biên Phủ	1	Đường 30 tháng 4	Đường 3 tháng 2	2.500
19	Đường Tỉnh 939	1	Đường Quang Trung (ĐT 940)	Cầu kênh 1/5	3.500
		2	Cầu kênh 1/5	Kênh Ba Hữu	1.200
		3	Kênh Ba Hữu	Ranh xã Mỹ Tú	700
20	Đường trung tâm xã Long Hưng (Đường C2)	1	Đường Đồng Khởi	Ranh xã Long Hưng	300
21	Trung tâm thương mại thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	1	Dãy E		20.000
22	Lộ đal (Kho lương thực cũ), thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	1	Đường Tỉnh 940	Đường Trần Hưng Đạo	700
23	Lộ đal (Chợ Cá), thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	1	Đường Tỉnh 940	Giáp ranh đất ông Thơm	1.500
24	Lộ nhựa B9, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	1	Đường Hùng Vương	Đường 3 tháng 2	1.200
25	Đường A1	1	Ranh xã Mỹ Hương	Đường trung tâm xã Long Hưng	300
26	Đường Bộ Thon	1	Cầu 2 Minh	Ranh xã Mỹ Tú	300
27	Đường đal	1	Cầu 2 Minh	Hết ranh vườn thuốc Nam Hoàng Yến	300
28	Đường đầu nối ĐT 939	1	Tỉnh lộ 939	Đường Huyện 84	250
29	Đường Kênh 1/5	1	Đường Huyện 84 - Tỉnh lộ 939	Giáp ranh xã Long Hưng	250
30	Đường đal (Tuyến Đồng Khởi - Rau Cần)	1	Đường Đồng Khởi	Giáp ranh xã Long Hưng	250
31	Lộ cũ Cầu Đồn	1	Đường Hùng Vương	Đường 3 tháng 2	450
32	Lộ Chòm Tre	1	Cầu Đình (Chòm Tre)	Giáp ranh xã Mỹ Tú	300
33	Đường đal	1	Các tuyến đường đal còn lại		250